



ĐỖ ĐỨC THÁI (Tổng Chủ biên) – ĐỖ TIẾN ĐẠT (Chủ biên)
NGUYỄN HOÀI ANH – TRẦN THUYẾT NGÀ – NGUYỄN THỊ THANH SƠN

Toán 5

TẬP MỘT

BẢN MẪU



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM



Sách giáo khoa được thẩm định bởi Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa lớp 5
(Theo Quyết định số 1963/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 7 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ĐỖ ĐỨC THÁI (Tổng Chủ biên) – ĐỖ TIẾN ĐẠT (Chủ biên)
NGUYỄN HOÀI ANH – TRẦN THUYẾT NGÀ – NGUYỄN THỊ THANH SƠN

Toán 5

TẬP MỘT

BẢN MẪU



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH

Số ?

Tìm số thích hợp thay cho dấu ? trong ô ?

$>$
 $<$
 $=$
?

?

Tìm dấu ($>$, $<$, $=$) thích hợp thay cho dấu ? trong ô ?



Bài tập được sử dụng máy tính cầm tay



Bài tập luyện tập, thực hành



Bài tập vận dụng

* Em giữ gìn sách cẩn thận, không viết vào sách để sử dụng được lâu dài.

Các em học sinh lớp 5 yêu quý!

Năm học này, chúng tôi vui mừng được gặp lại và đồng hành cùng các em qua cuốn sách **Toán 5**.

Sách **Toán 5** (gồm hai tập) giúp các em không chỉ có những kiến thức, kĩ năng toán học cơ bản thuộc phạm vi lớp 5 mà còn giúp các em có cơ hội khám phá, phát hiện các ứng dụng của Toán học qua những hoạt động thực hành trải nghiệm liên quan đến cuộc sống sinh hoạt, học tập hằng ngày theo tinh thần "Mang cuộc sống vào bài học, đưa bài học vào cuộc sống".

Qua đó, các em có thêm cơ hội phát triển năng lực tư duy, trí tưởng tượng, giàu có hơn trong nhận thức thế giới xung quanh, củng cố thêm niềm tin: Học Toán rất có ích cho cuộc sống hằng ngày.

Đồng hành cùng các em trong sách **Toán 5** còn có các bạn nhỏ dễ thương và chú voi con ngộ nghĩnh cùng rất nhiều hình ảnh sinh động, các trò chơi và hoạt động thực hành lí thú.

Chúc các em học tập thật tốt, có thêm nhiều niềm vui tuổi thơ và tiếp tục hành trình khám phá thế giới toán học kì thú và yêu dấu của chúng ta.

Các tác giả



MỤC LỤC

Trang

Trang

I Ôn tập và bổ sung về số tự nhiên, phân số. Số thập phân

5

1	Ôn tập về số tự nhiên	6
2	Ôn tập về các phép tính với số tự nhiên	8
3	Ôn tập về giải toán	10
4	Ôn tập và bổ sung về phân số	12
5	Ôn tập và bổ sung về các phép tính với phân số	15
6	Giới thiệu về tỉ số	17
7	Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó	20
8	Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó	23
9	Bài toán liên quan đến quan hệ phụ thuộc	26
10	Luyện tập	29
11	Hỗn số	31
12	Phân số thập phân	33
13	Số thập phân	35
14	Số thập phân (tiếp theo)	37
15	Số thập phân (tiếp theo)	39
16	Số thập phân (tiếp theo)	41
17	Số thập phân bằng nhau	44
18	So sánh các số thập phân	46
19	Làm tròn số thập phân	49
20	Ôn tập về các đơn vị đo diện tích đã học	52
21	Héc-ta	54
22	Ki-lô-mét vuông	56
23	Em ôn lại những gì đã học	59
24	Em vui học Toán	62

II Các phép tính với số thập phân

65

25	Cộng các số thập phân	66
26	Trừ các số thập phân	68
27	Luyện tập	70
28	Nhân một số thập phân với 10, 100, 1 000,...	71
29	Nhân một số thập phân với một số tự nhiên	73
30	Nhân một số thập phân với một số thập phân	75
31	Luyện tập	77
32	Chia một số thập phân cho 10, 100, 1 000,...	78
33	Chia một số thập phân cho một số tự nhiên	80
34	Luyện tập	83
35	Chia một số thập phân cho một số thập phân	84
36	Luyện tập	86
37	Luyện tập chung	88
38	Viết các số đo đại lượng dưới dạng số thập phân	90
39	Luyện tập chung	92
40	Tỉ số phần trăm	94
41	Tìm tỉ số phần trăm của hai số	97
42	Tìm giá trị phần trăm của một số cho trước	99
43	Luyện tập chung	102
44	Sử dụng máy tính cầm tay	104
45	Tỉ lệ bản đồ	107
46	Luyện tập chung	111
47	Em ôn lại những gì đã học	113
48	Em vui học Toán	115
49	Ôn tập chung	117
	Bảng tra cứu từ ngữ	119

I

ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG VỀ SỐ TỰ NHIÊN, PHẦN SỐ. SỐ THẬP PHÂN

Vườn quốc gia Côn Đảo
 Tổng diện tích tự nhiên: 19 883,15 ha, gồm:
 1. Phần diện tích bảo tồn rừng trên các
 hòn đảo: 5 883,15 ha.
 2. Phần diện tích bảo tồn biển: 14 000 ha.
 Ngoài ra, diện tích vùng đệm trên biển là
 20 500 ha.



1. ÔN TẬP VỀ SỐ TỰ NHIÊN

1 Trò chơi “Viết số, đọc số”

Hãy viết ra một số rồi đọc cho bạn nghe.



Năm trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm linh năm.



2 a) Đọc số rồi nêu giá trị của chữ số 7 trong mỗi số sau:

23 456 789

987 654 321

b) Viết mỗi số ở câu a thành tổng (theo mẫu):

Mẫu: $40\,237\,125 = 40\,000\,000 + 200\,000 + 30\,000 + 7\,000 + 100 + 20 + 5$

3



9 998 ? 10 000

87 699 ? 101 010

24 600 ? 24 597

361 579 ? 361 580

3 450 ? $34\,500 : 10$

571×100 ? 57 100

4 Sắp xếp các số sau theo thứ tự:

a) Từ lớn đến bé: 223 954; 322 945; 422 357; 432 375.

b) Từ bé đến lớn: 185 867; 184 999; 186 143; 186 134.

- 5 Dân số của một số tỉnh/thành phố tính đến năm 2021 được thống kê trong bảng dưới đây:

Tên tỉnh/thành phố	Số dân (người)
Hà Nội	8 330 830
Yên Bái	842 670
Đà Nẵng	1 195 490
Thành phố Hồ Chí Minh	9 166 840
Tây Ninh	1 181 910

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

a) Chọn đáp án đúng.

Tỉnh/thành phố có số dân ít nhất là:

A. Tây Ninh. B. Hà Nội. C. Đà Nẵng. D. Yên Bái.

b) Đặt những câu hỏi liên quan đến bảng số liệu trên.

- 6 Tuấn đọc một tài liệu về biển, đại dương và biết được thông tin về độ sâu tối đa của một số đại dương như sau:

Đại Tây Dương: 8 486 m;

Thái Bình Dương: 11 100 m;

Ấn Độ Dương: 7 258 m.

Tuấn muốn làm tròn số để nhớ dữ liệu này dễ dàng hơn.

a) Em hãy giúp Tuấn làm tròn những số dưới đây đến hàng trăm, hàng nghìn (theo mẫu):

Tên đại dương	Độ sâu (m)	Làm tròn	
		Đến hàng trăm	Đến hàng nghìn
Đại Tây Dương	8 486	8 500	8 000
Thái Bình Dương	11 100	?	?
Ấn Độ Dương	7 258	?	?

b) Em hãy đặt những câu hỏi liên quan đến bảng trên.

2. ÔN TẬP VỀ CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN

1 Đặt tính rồi tính:

a) $416\ 067 + 874\ 125$

b) $608\ 341 - 276\ 303$

c) $32\ 019 \times 7$

d) $82\ 984 : 41$

2 a) Tính nhẩm:

$$\begin{array}{l} 67 \times 10 \\ 67 \times 100 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 18 \times 100 \\ 18 \times 1\ 000 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 100 \times 129 \\ 1\ 000 \times 16 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 5\ 240 : 10 \\ 52\ 400 : 100 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 117\ 300 : 10 \\ 117\ 300 : 100 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 880\ 000 : 100 \\ 880\ 000 : 1\ 000 \end{array}$$

b) Lấy một ví dụ và nói cho bạn nghe cách thực hiện nhân một số với 10, 100, 1 000,...; chia một số cho 10, 100, 1 000,...

3 Tìm thành phần chưa biết của mỗi phép tính sau:

a) $150 + \boxed{?} = 213$

$360 - \boxed{?} = 259$

$\boxed{?} - 81 = 265$

b) $56 \times \boxed{?} = 560$

$8\ 700 : \boxed{?} = 87$

$\boxed{?} : 1\ 000 = 79$

4 Tính giá trị của mỗi biểu thức sau:

a) $34 \times 3 + 28$

b) $223 - 23 \times 5$

c) $354 : 6 - 264 : 12$

d) $(18 + 37) \times 24$

e) $(256 + 64) : 16$

g) $(121 - 88) : 11$

- 5 Mẹ Oanh đi siêu thị mua 3 bộ quần áo trẻ em và 1 bộ quần áo người lớn hết 370 000 đồng. Tính số tiền mua mỗi bộ quần áo trẻ em, biết rằng 1 bộ quần áo người lớn có giá bán 115 000 đồng và giá tiền mua mỗi bộ quần áo trẻ em là như nhau.



- 6 Đặt các số từ 1 đến 9 vào ô (mỗi số chỉ dùng một lần) sao cho tổng các số ở hàng dọc và hàng ngang đều là số lẻ:

?	?	?
?	?	?
?	?	?

1 2 3
4 5 6 7
8 9

3. ÔN TẬP VỀ GIẢI TOÁN

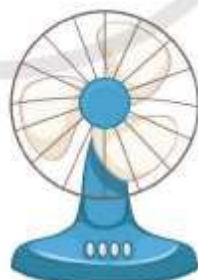
- 1 Kể tên một số dạng toán đã học liên quan đến các phép tính với số tự nhiên:

Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

Bài toán liên quan đến rút về đơn vị.

Tìm số trung bình cộng.

- 2 a) Có 3 chiếc xe ben chở 21 tấn cát ra công trường, mỗi xe chở lượng cát như nhau. Hỏi 8 chiếc xe ben như thế thì chở được bao nhiêu tấn cát?
b) Cứ 12 m vải may được 4 bộ quần áo. Hỏi 36 m vải may được bao nhiêu bộ quần áo như thế?
- 3 Cô Ly mua một chiếc bàn là và một chiếc quạt điện hết 1 500 000 đồng. Biết rằng giá tiền mua chiếc bàn là nhiều hơn giá tiền mua chiếc quạt điện là 380 000 đồng. Tính giá tiền mỗi loại đồ vật cô Ly đã mua.



- 4 Theo thống kê ở một địa điểm, tháng Một có 12 ngày nắng, tháng Hai có số ngày nắng ít hơn tháng Một là 5 ngày, tháng Ba có số ngày nắng nhiều gấp 2 lần số ngày nắng của tháng Hai. Hỏi trung bình ba tháng đầu năm, mỗi tháng có bao nhiêu ngày nắng?

5 Ba người bạn cùng tổ chức một buổi liên hoan. Hà mua thịt về nướng hết 148 000 đồng. Huy mua nước uống và hoa quả hết 82 000 đồng. Yến mua rau, củ, bánh mì và gia vị hết 160 000 đồng.

a) Tính số tiền mỗi bạn cần đóng góp, biết rằng số tiền đã chi tiêu được chia đều cho mỗi người.

b) Tính số tiền mỗi người sẽ đóng thêm hoặc nhận lại.



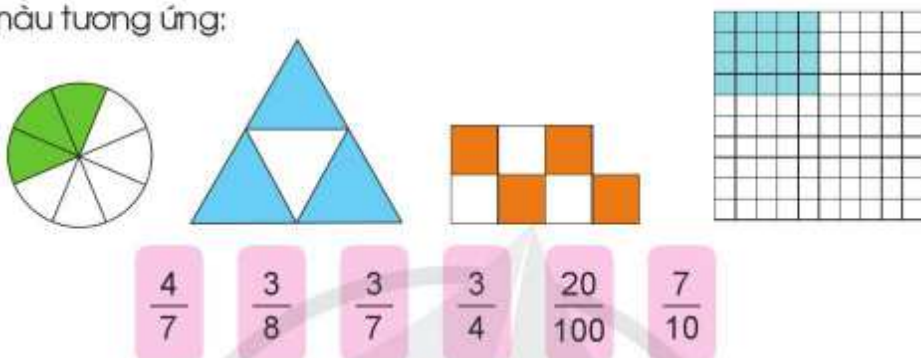
6 Bác Ngọc đã rèn được 5 đoạn dây xích, mỗi đoạn có 3 mắt xích. Em hãy đoán xem bác Ngọc cần rèn thêm mấy mắt xích nữa để lần lượt nối các đoạn dây xích đó thành một dây xích mới.



4. ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG VỀ PHÂN SỐ

1 Trò chơi “Ghép thẻ”

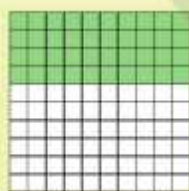
a) Ghép các thẻ ghi phân số thích hợp với thẻ hình vẽ có số phần đã tô màu tương ứng:



b) Đọc các phân số ở câu a và nêu tử số, mẫu số của mỗi phân số đó.

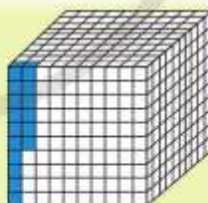
2 a) Viết phân số chỉ số phần đã tô màu trong mỗi hình rồi đọc (theo mẫu):

Mẫu:



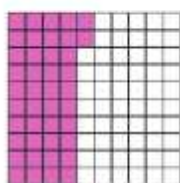
Viết: $\frac{40}{100}$

Đọc: Bốn mươi phần một trăm
hay bốn mươi phần trăm.

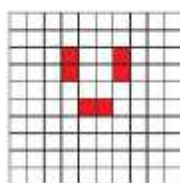


Viết: $\frac{16}{1\,000}$

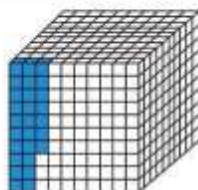
Đọc: Mười sáu phần một nghìn
hay mười sáu phần nghìn.



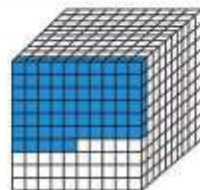
A



B



C



D

b) Viết thương của mỗi phép chia sau dưới dạng phân số (theo mẫu):

Mẫu: $7 : 8 = \frac{7}{8}$

$11 : 5 = \frac{?}{?}$

$9 : 100 = \frac{?}{?}$

$33 : 30 = \frac{?}{?}$

c) Viết các số tự nhiên sau thành phân số (theo mẫu):

Mẫu: $4 = \frac{4}{1}$

$301 = \frac{?}{?}$

$12 = \frac{?}{?}$

$2\,025 = \frac{?}{?}$

3 a) Nêu hai phân số bằng mỗi phân số sau: $\frac{5}{4}$; $\frac{9}{12}$.

b) Rút gọn các phân số sau: $\frac{24}{32}$, $\frac{14}{35}$, $\frac{30}{25}$, $\frac{63}{36}$.

4 Quy đồng mẫu số hai phân số:

$\frac{3}{14} \text{ và } \frac{4}{7}$

$\frac{2}{3} \text{ và } \frac{5}{6}$

5 a) Đọc ví dụ sau rồi nói cho bạn nghe cách thực hiện:

Ví dụ: Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{2}{3}$ và $\frac{5}{4}$.

Vì $3 \times 4 = 12$ nên ta chọn 12 làm **mẫu số chung**.

Ta có: $\frac{2}{3} = \frac{2 \times 4}{3 \times 4} = \frac{8}{12}$ và $\frac{5}{4} = \frac{5 \times 3}{4 \times 3} = \frac{15}{12}$.

Vậy quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{2}{3}$ và $\frac{5}{4}$ ta được $\frac{8}{12}$ và $\frac{15}{12}$.

b) Quy đồng mẫu số hai phân số:

$\frac{1}{4} \text{ và } \frac{5}{3}$

$\frac{3}{5} \text{ và } \frac{4}{7}$

$\frac{3}{10} \text{ và } \frac{7}{9}$

6 Quy đồng mẫu số hai phân số:

$$\frac{3}{4} \text{ và } \frac{1}{6}$$

$$\frac{7}{10} \text{ và } \frac{5}{8}$$

$$\frac{4}{9} \text{ và } \frac{5}{16}$$

Lưu ý: Khi quy đồng mẫu số hai phân số khác mẫu số, ta nên chọn số bé nhất (lớn hơn 0) chia hết cho cả hai mẫu số làm mẫu số chung.

Ví dụ: Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{2}{9}$ và $\frac{5}{6}$.

Vì 18 là số bé nhất lớn hơn 0 chia hết cho 9 và 6 nên ta chọn 18 làm **mẫu số chung**.

$$\text{Ta có: } \frac{2}{9} = \frac{2 \times 2}{9 \times 2} = \frac{4}{18} \text{ và } \frac{5}{6} = \frac{5 \times 3}{6 \times 3} = \frac{15}{18}.$$

Vậy quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{2}{9}$ và $\frac{5}{6}$ ta được $\frac{4}{18}$ và $\frac{15}{18}$.

7 a) $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$?

$$\frac{5}{7} \text{ ? } \frac{4}{7}$$

$$\frac{8}{10} \text{ ? } \frac{4}{5}$$

$$\frac{2}{3} \text{ ? } \frac{7}{8}$$

$$\frac{5}{6} \text{ ? } \frac{3}{10}$$

$$\frac{9}{25} \text{ ? } 1$$

b) Sắp xếp các phân số $\frac{2}{3}$; $\frac{6}{7}$; $\frac{3}{4}$ theo thứ tự từ bé đến lớn.

8 Dung và Đức cùng tham gia trò chơi leo dây với các dây có cùng chiều dài.

Dung leo được $\frac{5}{8}$ sợi dây.

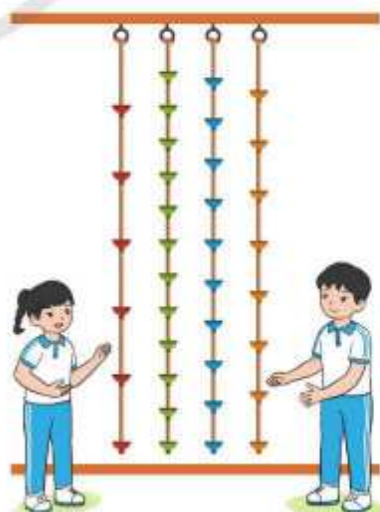
Đức leo được $\frac{4}{10}$ sợi dây.

Theo em:

a) Dung đã leo sợi dây màu nào?

Đức đã leo sợi dây màu nào?

b) Ai đã leo được đoạn dây dài hơn?



5. ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG VỀ CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ

- 1 Nói cho bạn nghe cách thực hiện cộng, trừ hai phân số cùng mẫu số. Lấy ví dụ minh họa.

2 Tính:

a) $\frac{4}{3} + \frac{5}{6}$

b) $\frac{2}{5} - \frac{3}{10}$

c) $6 + \frac{7}{2}$

d) $\frac{9}{2} - 1$

3 Tính (theo mẫu):

Mẫu: Tính $\frac{3}{4} + \frac{2}{5} = ?$; $\frac{3}{4} - \frac{2}{5} = ?$

Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{3}{4}$ và $\frac{2}{5}$ ta được $\frac{15}{20}$ và $\frac{8}{20}$.

Vậy $\frac{3}{4} + \frac{2}{5} = \frac{15}{20} + \frac{8}{20} = \frac{23}{20}$; $\frac{3}{4} - \frac{2}{5} = \frac{15}{20} - \frac{8}{20} = \frac{7}{20}$.

a) $\frac{4}{5} + \frac{1}{2}$

b) $\frac{3}{5} + \frac{2}{7}$

c) $\frac{4}{9} - \frac{1}{7}$

d) $\frac{7}{8} - \frac{2}{9}$

- 4 Lan Anh làm một hỗn hợp từ gừng, tỏi, ớt để pha chế thành thuốc phun cho rau tránh sâu bệnh. Biết rằng $\frac{2}{5}$ hỗn hợp là gừng, $\frac{1}{6}$ hỗn hợp là tỏi. Hỏi phân số nào chỉ số phần hỗn hợp là gừng và tỏi?



5 Tính:

$$\frac{9}{2} \times \frac{4}{5}$$

$$\frac{8}{7} : \frac{2}{3}$$

$$4 \times \frac{5}{9}$$

$$\frac{3}{8} : 2$$

6 Tính (theo mẫu):

$$\text{Mẫu: } \frac{9}{10} \times \frac{5}{6} = \frac{9 \times 5}{10 \times 6} = \frac{3 \times \cancel{3} \times \cancel{5}}{\cancel{5} \times 2 \times \cancel{3} \times 2} = \frac{3}{4}$$

$$\frac{4}{3} \times \frac{9}{10}$$

$$\frac{9}{16} : \frac{27}{8}$$

7 Tính:

a) $\frac{4}{5}$ của 70 m^2

b) $\frac{3}{10}$ của 250 kg

c) $\frac{1}{4}$ của 52 tuần

- 8 Một nhà máy sản xuất nước khoáng đã sử dụng máy dò tự động để phát hiện lỗi của sản phẩm. Cứ $\frac{1}{25}$ giây thì máy kiểm tra được 1 chai nước khoáng. Hỏi trong 1 phút máy dò đó kiểm tra được bao nhiêu chai nước khoáng?



6. GIỚI THIỆU VỀ TỈ SỐ



Hãy so sánh số điện thoại màu hồng và số điện thoại màu xanh.



Để so sánh ta dùng phép chia, cụ thể $3 : 8$.



Thương trong phép chia $3 : 8$ gọi là tỉ số của 3 và 8.

Tỉ số giữa số điện thoại màu hồng và số điện thoại màu xanh là $3 : 8$ hay $\frac{3}{8}$.



Tỉ số của hai số a và b (b khác 0) là thương trong phép chia số a cho số b .

Kí hiệu là $a : b$ hay $\frac{a}{b}$.

1 a) Đọc các tỉ số sau (theo mẫu):

Mẫu: Tỉ số $\frac{2}{3}$ được đọc là tỉ số của 2 và 3.

$\frac{4}{5}$

$\frac{7}{8}$

$19 : 11$

b) Viết các tỉ số sau (theo mẫu):

Mẫu: Tỉ số của 7 và 3 được viết là $7 : 3$ hay $\frac{7}{3}$.

Tỉ số của 8 và 5

Tỉ số của 1 và 9

Tỉ số của 17 và 13

c) Chọn các cách viết đúng để biểu diễn tỉ số của 3 và 4:

$3 : 4$

$\frac{3}{4}$

$4 : 3$

$\frac{4}{3}$

Lưu ý: Tỉ số của hai số a và b phải được viết theo đúng thứ tự là $a : b$ hay $\frac{a}{b}$.

2 Viết tỉ số của a và b, biết:

a) $a = 2, b = 5$

b) $a = 9, b = 7$

c) $a = 5, b = \frac{3}{4}$

3 Có 4 chiếc cúc màu xanh, 5 chiếc cúc màu đỏ:



a) Viết tỉ số của số cúc màu xanh và số cúc màu đỏ.

b) Viết tỉ số của số cúc màu đỏ và số cúc màu xanh.

c) Viết tỉ số của số cúc màu xanh và tổng số chiếc cúc.

4 Trong một trận bóng đá, đội A ghi được 3 bàn, đội B ghi được 1 bàn.

- a) Viết tỉ số giữa số bàn thắng của đội A và số bàn thắng của đội B.
- b) Viết tỉ số giữa số bàn thắng của đội B và số bàn thắng của đội A.



5 Số tiền tiết kiệm của Châu gấp 4 lần số tiền tiết kiệm của Nguyên. Quan sát sơ đồ đoạn thẳng biểu diễn số tiền tiết kiệm của hai bạn:

Số tiền của Châu: $\text{—————|—————|—————|—————|}$

Số tiền của Nguyên: —————|

Hãy viết:

- a) Tỉ số giữa số tiền tiết kiệm của Nguyên và số tiền tiết kiệm của Châu.
- b) Tỉ số giữa số tiền tiết kiệm của Châu và số tiền tiết kiệm của Nguyên.
- c) Tỉ số giữa số tiền tiết kiệm của Nguyên và tổng số tiền tiết kiệm của cả hai bạn.

6 Số vở của Minh bằng $\frac{2}{5}$ số vở của Khôi.

Quan sát sơ đồ đoạn thẳng biểu diễn số vở của hai bạn:

Số vở của Minh: —————|—————|

Số vở của Khôi: $\text{—————|—————|—————|—————|}$

Hãy viết:

- a) Tỉ số giữa số vở của Minh và số vở của Khôi.
- b) Tỉ số giữa số vở của Khôi và số vở của Minh.
- c) Tỉ số giữa số vở của Minh và tổng số vở của hai bạn.

7. TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ

Có tất cả 15 quả bóng, biết rằng tỉ số giữa số quả bóng xanh và số quả bóng đỏ là $\frac{2}{3}$.

Hãy thử tính xem có bao nhiêu quả bóng xanh, bao nhiêu quả bóng đỏ.



Bài toán: Tổng của hai số là 15, tỉ số của hai số là $\frac{2}{3}$. Tìm hai số đó.

Em hiểu

Tổng của hai số là 15.
Tỉ số của hai số là $\frac{2}{3}$.

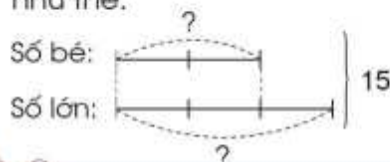


Tìm hai số đó.



Em nghĩ

Nếu coi số bé là 2 phần bằng nhau thì số lớn chiếm 3 phần như thế.



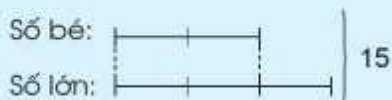
Tìm tổng số phần bằng nhau:
 $2 + 3 = 5$ (phần)
Tính giá trị một phần:
 $15 : 5 = 3$



Em trả lời

Bài giải

Ta có sơ đồ:



Theo sơ đồ, giá trị mỗi phần bằng nhau là:

$$15 : (2 + 3) = 3$$

Số bé là:

$$3 \times 2 = 6$$

Số lớn là:

$$3 \times 3 = 9$$

(hoặc $15 - 6 = 9$)

Đáp số: Số bé là 6;

Số lớn là 9.

- 1 Anh Toàn sử dụng 36 l sơn xanh và sơn trắng để sơn toàn bộ căn phòng. Số lít sơn xanh bằng $\frac{4}{5}$ số lít sơn trắng. Tính số lít sơn mỗi loại.



- 2 Số ?

Tổng hai số	21	999	332
Tỉ số của hai số	$\frac{2}{5}$	$\frac{7}{2}$	1 : 3
Số lớn	?	?	?
Số bé	?	?	?



- 3 Một kho chứa 540 tấn gạo bao gồm gạo nếp và gạo tẻ. Số tấn gạo tẻ bằng $\frac{7}{3}$ số tấn gạo nếp. Tính số tấn gạo mỗi loại.



- 4 Phúc và chị Linh tiết kiệm được 350 000 đồng. Số tiền tiết kiệm của chị Linh gấp 4 lần số tiền tiết kiệm của Phúc. Tính số tiền tiết kiệm được của mỗi người.



- 5 Tổng diện tích của một khu đất là 632 m^2 bao gồm diện tích nhà ở và vườn cây. Diện tích vườn cây gấp 3 lần diện tích nhà ở. Tính diện tích nhà ở, diện tích vườn cây.

8. TÌM HAI SỐ KHI BIẾT HIỆU VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ

Hộp to có nhiều hơn hộp nhỏ 24 chiếc bút màu. Tỉ số giữa số bút màu của hộp to và số bút màu của hộp nhỏ là $\frac{5}{3}$.

Hãy thử tính xem mỗi hộp có bao nhiêu bút màu.



Bài toán: Hiệu của hai số là 24, tỉ số của hai số là $\frac{5}{3}$. Tìm hai số đó.

Em hiểu

Hiệu của hai số là 24.
Tỉ số của hai số là $\frac{5}{3}$.

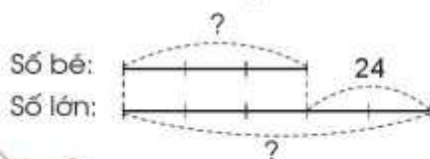


Tìm hai số đó.



Em nghĩ

Nếu coi số bé là 3 phần bằng nhau thì số lớn chiếm 5 phần như thế.



Tìm hiệu số phần bằng nhau:

$$5 - 3 = 2 \text{ (phần)}$$

Tính giá trị một phần:

$$24 : 2 = 12$$



Em trả lời

Bài giải

Ta có sơ đồ:



Theo sơ đồ, giá trị mỗi phần bằng nhau là:

$$24 : (5 - 3) = 12$$

Số bé là:

$$12 \times 3 = 36$$

Số lớn là:

$$12 \times 5 = 60$$

$$(\text{hoặc } 36 + 24 = 60)$$

Đáp số: Số bé là 36,

Số lớn là 60.

- 1 Cuộn dây màu đỏ có độ dài lớn hơn cuộn dây màu xanh là 50 m. Biết rằng cuộn dây màu xanh dài bằng $\frac{3}{8}$ cuộn dây màu đỏ. Tính độ dài mỗi cuộn dây.
- 2 Số cây cam trong vườn ít hơn số cây xoài là 32 cây. Tỉ số của số cây xoài và số cây cam là $\frac{7}{5}$. Hỏi trong vườn có bao nhiêu cây xoài, bao nhiêu cây cam?



3 Số ?

Hiệu hai số	80	192	1 000
Tỉ số của hai số	$\frac{4}{9}$	$\frac{11}{8}$	1 : 5
Số lớn	?	?	?
Số bé	?	?	?

4 Ở một cửa hàng, trong một quý, số lượng ti vi bán trực tiếp tại cửa hàng ít hơn số lượng ti vi bán trực tuyến là 42 chiếc. Biết rằng số lượng ti vi bán trực tuyến gấp 3 lần số lượng ti vi bán trực tiếp. Tính số lượng ti vi bán trực tiếp.



5 Một mảnh vườn có dạng hình chữ nhật với chiều rộng ngắn hơn chiều dài 12 m. Chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Tính diện tích mảnh vườn đó.



9. BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN QUAN HỆ PHỤ THUỘC



A. QUAN HỆ PHỤ THUỘC

Ví dụ: Một vòi nước chảy vào bể, sau mỗi phút đều tạo thành một cột nước có chiều cao 4 cm. Bảng dưới đây cho biết mối liên hệ giữa thời gian nước chảy và chiều cao cột nước:

Thời gian nước chảy	1 phút	2 phút	3 phút	4 phút
Chiều cao cột nước	4 cm	8 cm	12 cm	16 cm

Nhận xét:

- Lượng nước chảy vào bể trong 1 phút là như nhau (đều tạo thành một cột nước có chiều cao là 4 cm).
- Khi thời gian gấp lên (giảm đi) bao nhiêu lần thì lượng nước chảy vào bể cũng gấp lên (giảm đi) bấy nhiêu lần.

1 Quan sát bảng sau:

Số can mật ong	2	4	8
Số lít mật ong	6	12	24

a) Khi số can mật ong tăng lên 2 lần thì số lít mật ong tăng lên bao nhiêu lần?

b) Khi số can một ong tăng lên 4 lần thì số lít mật ong tăng lên bao nhiêu lần?

c) Khi số can một ong giảm đi 2 lần thì số lít mật ong giảm đi bao nhiêu lần?

d) Nhận xét quan hệ phụ thuộc giữa số can mật ong và số lít mật ong.

B. BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN QUAN HỆ PHỤ THUỘC

Bài toán: Mua 3 quyển vở cùng loại hết 24 000 đồng. Hỏi nếu mua 12 quyển vở như thế thì hết bao nhiêu tiền?

Em hiểu



3 quyển vở: 24 000 đồng
12 quyển vở: ? đồng

Số quyển vở gấp lên bao nhiêu lần thì số tiền cũng gấp lên bấy nhiêu lần.



Em nghĩ



Tính giá tiền 1 quyển vở rồi tính số tiền mua 12 quyển vở.

Vì $12 : 3 = 4$ nên 12 gấp 3 là 4 lần. Do đó số tiền mua 12 quyển vở cũng gấp lên 4 lần.



Em trả lời

Cách 1: Rút về đơn vị

Bài giải

Mua 1 quyển vở hết số tiền là:

$$24\,000 : 3 = 8\,000 \text{ (đồng)}$$

Mua 12 quyển vở hết số tiền là:

$$8\,000 \times 12 = 96\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 96 000 đồng.

Cách 2: Tìm tỉ số

Bài giải

12 quyển vở gấp 3 quyển vở số lần là:

$$12 : 3 = 4 \text{ (lần)}$$

Mua 12 quyển vở hết số tiền là:

$$24\,000 \times 4 = 96\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 96 000 đồng.

- 2 Chia đều 900 ml dầu dừa được 6 chai. Hỏi có 300 ml dầu dừa thì rót được mấy chai như vậy?



- 3 Cứ 100 kg thóc thì cho 60 kg gạo. Hỏi 2 tấn thóc thì cho bao nhiêu ki-lô-gam gạo?



- 4 **Thực hành:** Đo bề dày 100 trang sách Toán 5 theo đơn vị mi-li-mét. Dựa vào số đo đó, ước lượng xem nếu xếp các trang sách như thế cao khoảng 1 gang tay của em thì cần bao nhiêu trang sách.



10. LUYỆN TẬP

1 Quan sát bảng sau:

Số hộp bút	5	10	20
Số chiếc bút	120	240	480

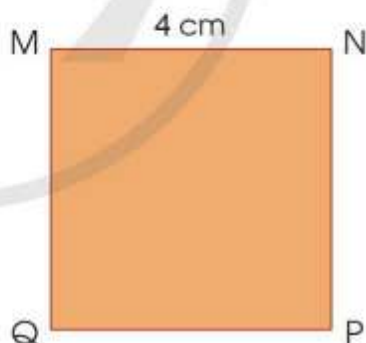
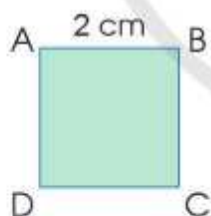
- a) Nêu nhận xét về quan hệ phụ thuộc giữa số chiếc bút và số hộp bút.
b) Nếu có 15 hộp bút thì có bao nhiêu chiếc bút?

2 Một cửa hàng cứ bán được 5 máy tính thì bán được 2 máy in. Hỏi nếu bán được 40 máy tính thì cửa hàng đó bán được bao nhiêu máy in?

3 Cô Hà có thể gõ được 20 từ trên máy tính trong vòng 30 giây. Hỏi cô Hà có thể gõ được bao nhiêu từ trên máy tính trong vòng 5 phút? Biết rằng tốc độ gõ máy tính của cô Hà là không thay đổi.



4 Quan sát hai hình vuông sau:



- a) Nêu tỉ số giữa độ dài cạnh của hình vuông ABCD với độ dài cạnh của hình vuông MNPQ.
b) Nêu tỉ số giữa chu vi của hình vuông ABCD với chu vi của hình vuông MNPQ.
c) Nêu nhận xét về quan hệ phụ thuộc giữa độ dài cạnh với chu vi của mỗi hình vuông.

- 5 Anh Nam tập thể dục buổi sáng, theo thói quen, cứ thực hiện động tác gập bụng 7 lần thì anh Nam lại lên xà 2 lượt. Theo em, anh Nam thực hiện động tác gập bụng 35 lần thì anh Nam lên xà bao nhiêu lượt?



- 6 Cô Hiền tiết kiệm tiền để mua một chiếc xe máy mới. Chiếc xe máy có giá tiền là 36 triệu đồng.

a) Theo em, cô Hiền cần tiết kiệm mấy tháng thì đủ tiền mua chiếc xe máy đó? Biết rằng cứ 3 tháng cô Hiền lại tiết kiệm được 6 triệu đồng.

b) Nếu muốn đủ tiền mua chiếc xe máy trong 1 năm thì mỗi tháng cô Hiền cần tiết kiệm bao nhiêu tiền?

- 7 Để làm thuốc ho người ta ngâm chanh đào với mật ong và đường phèn. Cứ 2 kg chanh đào thì cần 1 l mật ong và 1 kg đường phèn.



Theo thông tin trên, nếu muốn ngâm 4 kg chanh đào thì cần bao nhiêu lít mật ong và bao nhiêu ki-lô-gam đường phèn?

11. HỖN SỐ

Tôi có 2 chiếc bánh và $\frac{3}{4}$ chiếc bánh.



Số phần bánh bạn có là bao nhiêu nhỉ?



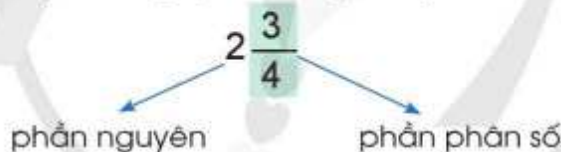
2 và $\frac{3}{4}$

- 2 và $\frac{3}{4}$ viết thành $2\frac{3}{4}$.

$2\frac{3}{4}$ gọi là **hỗn số**.

$2\frac{3}{4}$ đọc là **hai và ba phần tư**.

- Hỗn số $2\frac{3}{4}$ có **phần nguyên** là 2, **phần phân số** là $\frac{3}{4}$.



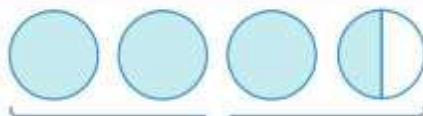
Phần phân số của hỗn số bao giờ cũng bé hơn đơn vị.

Khi đọc (hoặc viết) hỗn số ta đọc (hoặc viết) phần nguyên rồi đọc (hoặc viết) phần phân số.

- Ta có: $2\frac{3}{4} = 2 + \frac{3}{4}$.

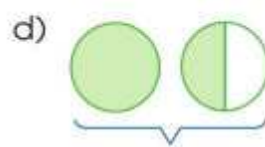
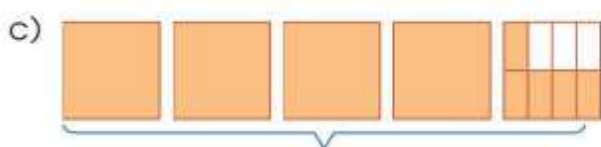
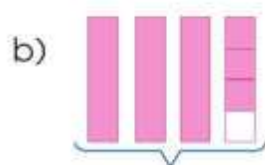
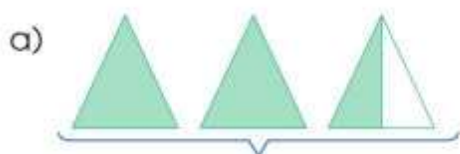
1 Dựa vào hình vẽ để viết rồi đọc hỗn số thích hợp (theo mẫu):

Mẫu:



Viết: $3\frac{1}{2}$

Đọc: Ba và một phần hai



2 a) Đọc các hỗn số sau: $3\frac{3}{4}$ $5\frac{1}{4}$ $2\frac{3}{5}$ $3\frac{5}{8}$ $4\frac{5}{6}$

b) Viết các hỗn số sau: bốn và sáu phần bảy; chín và một phần năm.

c) Viết một hỗn số rồi đọc bạn chỉ ra phần nguyên, phần phân số của hỗn số đó.

3 Chuyển các hỗn số sau thành phân số (theo mẫu):

Mẫu: $2\frac{3}{4} = 2 + \frac{3}{4} = \frac{2 \times 4}{4} + \frac{3}{4} = \frac{2 \times 4 + 3}{4} = \frac{11}{4}$.

Ta viết gọn là: $2\frac{3}{4} = \frac{2 \times 4 + 3}{4} = \frac{11}{4}$.

a) $2\frac{1}{4}$

b) $5\frac{2}{3}$

c) $4\frac{3}{10}$

d) $7\frac{29}{100}$

4 Quan sát sơ đồ sau và nói cho bạn nghe thông tin về chiều dài quãng đường giữa các địa điểm.



12. PHÂN SỐ THẬP PHÂN

Hãy viết các phân số có mẫu số là 10, 100, 1 000,...



Các phân số $\frac{7}{10}$, $\frac{8}{100}$, $\frac{31}{1\,000}$,... có mẫu số là 10, 100, 1 000,... gọi là các **phân số thập phân**.

1 a) Đọc mỗi phân số thập phân sau:

$$\frac{3}{10}$$

$$\frac{14}{100}$$

$$\frac{723}{1\,000}$$

$$\frac{2\,014}{1\,000\,000}$$

b) Viết mỗi phân số thập phân sau:

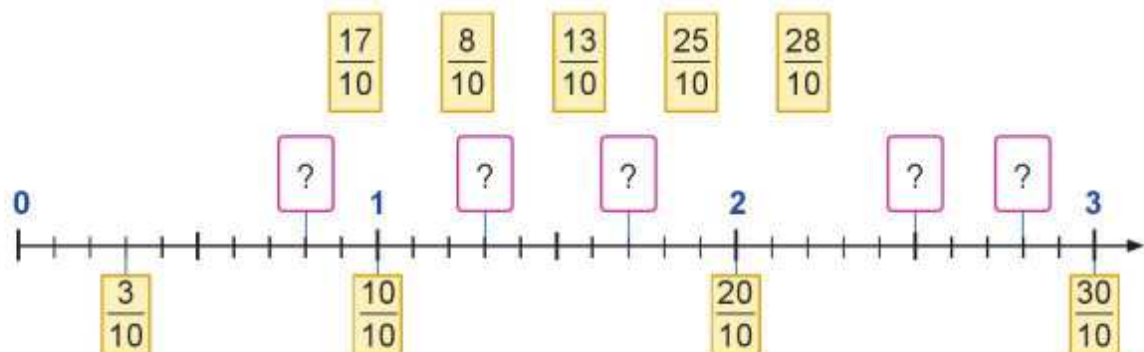
Năm phần mười

Bảy mươi hai phần trăm

Ba trăm phần nghìn

Chín phần triệu

c) Xếp các thẻ ghi phân số thập phân vào vị trí thích hợp trên tia số:



2 Phân số nào dưới đây là phân số thập phân?



$$\frac{10}{3}$$



$$\frac{16}{10}$$



$$\frac{100}{52}$$



$$\frac{439}{1\,000}$$



$$\frac{4}{3\,000}$$

3 Chuyển các phân số sau thành phân số thập phân (theo mẫu):

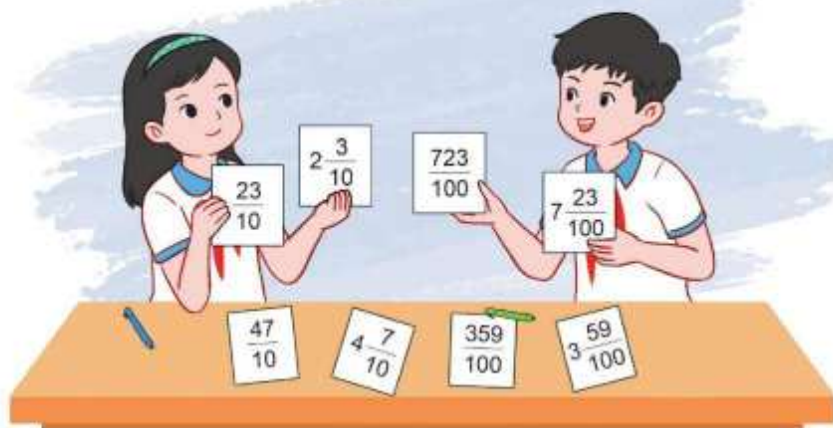
Mẫu: $\frac{3}{4} = \frac{3 \times 25}{4 \times 25} = \frac{75}{100}; \frac{42}{60} = \frac{42 : 6}{60 : 6} = \frac{7}{10}$

a) $\frac{2}{5}, \frac{7}{4}, \frac{18}{25}$

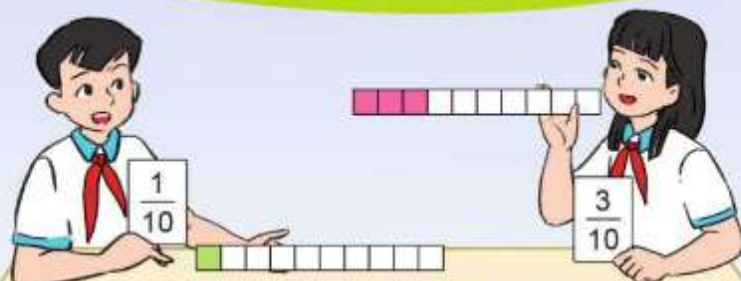
b) $\frac{32}{80}, \frac{72}{400}, \frac{425}{5\,000}$

4 Trò chơi “Ghép thẻ”

Tìm cặp thẻ ghi phân số thập phân và hỗn số thích hợp (theo mẫu):



13. SỐ THẬP PHẦN



$\frac{1}{10}$ được viết thành 0,1.

0,1 đọc là **không phẩy một**.

$$0,1 = \frac{1}{10}$$

0,1 gọi là **số thập phân**.

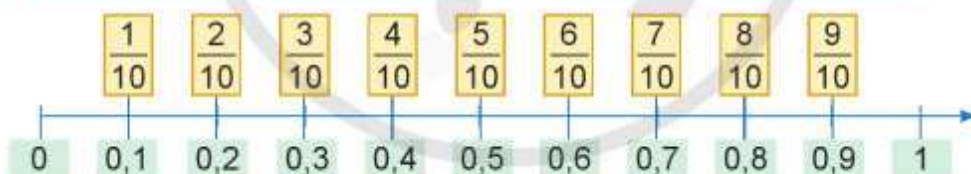
$\frac{3}{10}$ được viết thành 0,3.

0,3 đọc là **không phẩy ba**.

$$0,3 = \frac{3}{10}$$

0,3 gọi là **số thập phân**.

Số thập phân	Phần nguyên	,	Phần thập phân
	Hàng đơn vị	,	Hàng phần mười
0,1	0	,	1
0,3	0	,	3



1 Quan sát hình vẽ, chỉ ra phân số thập phân và số thập phân tương ứng (theo mẫu):

Mẫu:



$$\frac{2}{10} = 0,2$$



- 2 a) Chuyển các phân số thập phân thành số thập phân (theo mẫu):

Mẫu: $\frac{7}{10} = 0,7$

$$\frac{4}{10}$$

$$\frac{9}{10}$$

$$\frac{6}{10}$$

$$\frac{5}{10}$$

b) Đọc các số thập phân ở câu a.

c) Viết mỗi số thập phân sau: không phẩy một, không phẩy tám, không phẩy ba, không phẩy chín.

- 3 Chuyển mỗi số thập phân sau thành phân số thập phân (theo mẫu):

Mẫu: $0,4 = \frac{4}{10}$

0,6

0,2

0,9

0,1

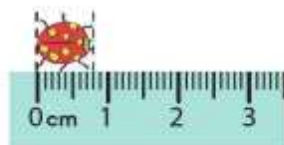
- 4 Em hãy quan sát hình vẽ dưới đây rồi chọn số thập phân thích hợp cho ô

a)



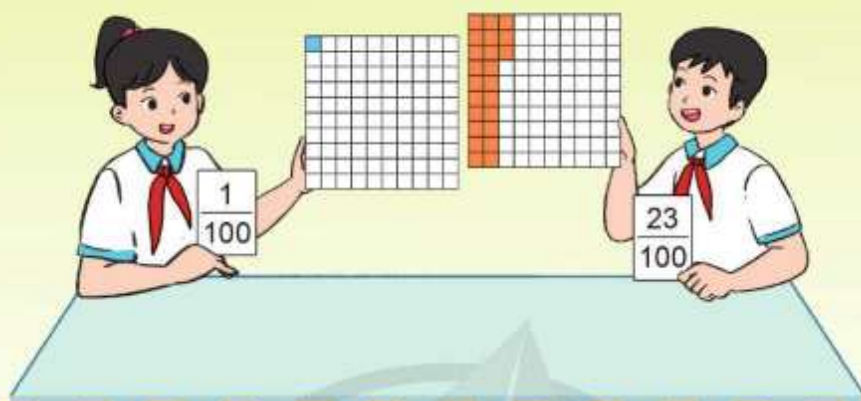
Chiều dài của con kiến là $\frac{6}{10}$ cm, ta viết thành cm.

b)



Chiều dài của con bọ dùa là $\frac{8}{10}$ cm, ta viết thành cm.

14. SỐ THẬP PHÂN (tiếp theo)



$\frac{1}{100}$ được viết thành 0,01.
 0,01 đọc là **không phẩy không một**.
 $0,01 = \frac{1}{100}$.
 0,01 gọi là **số thập phân**.

$\frac{23}{100}$ được viết thành 0,23.
 0,23 đọc là **không phẩy hai mươi ba**.
 $0,23 = \frac{23}{100}$.
 0,23 gọi là **số thập phân**.

Số thập phân	Phần nguyên	,	Phần thập phân	
	Hàng đơn vị	,	Hàng phần mười	Hàng phần trăm
0,01	0	,	0	1
0,23	0	,	2	3

1 a) Chuyển mỗi phân số thập phân sau thành số thập phân (theo mẫu):

Mẫu: $\frac{45}{100} = 0,45$

$\frac{38}{100}$

$\frac{91}{100}$

$\frac{55}{100}$

$\frac{6}{100}$

b) Chuyển mỗi số thập phân sau thành phân số thập phân (theo mẫu):

$$\text{Mẫu: } 0,08 = \frac{8}{100}$$

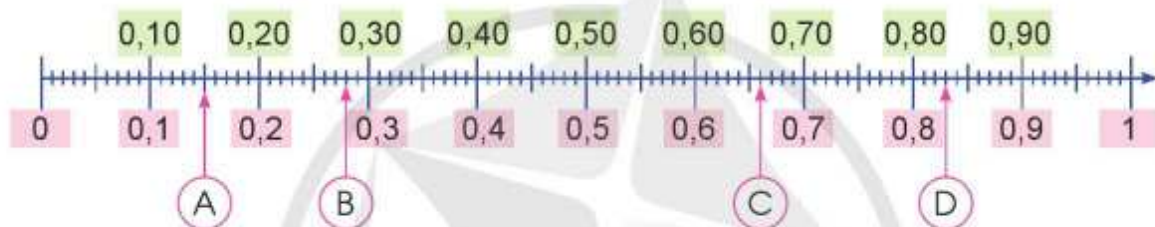
0,04

0,62

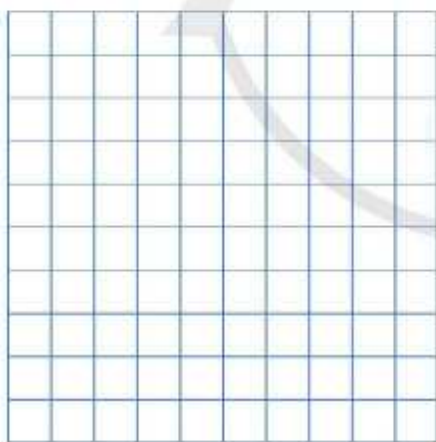
0,92

0,7

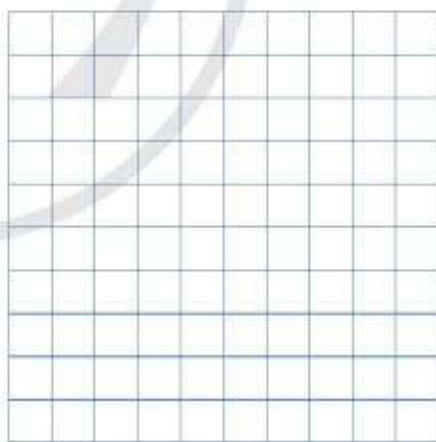
2 Nêu số thập phân ứng với mỗi vị trí A, B, C, D trên tia số sau:



3 Lấy hai tờ giấy có lưới ô vuông, mỗi tờ gồm 100 ô vuông. Tô màu vào lưới ô để biểu diễn các số thập phân 0,25; 0,6 rồi dán vào vở.



0,25



0,6



15. SỐ THẬP PHÂN (tiếp theo)



$\frac{1}{1\,000}$ được viết thành 0,001.

0,001 đọc là **không phẩy không không một**.

$\frac{249}{1\,000}$ được viết thành 0,249.

0,249 đọc là **không phẩy hai trăm bốn mươi chín**.

Các số 0,001 và 0,249 cũng gọi là các **số thập phân**.

Số thập phân	Phần nguyên	,	Phần thập phân		
	Hàng đơn vị	,	Hàng phần mười	Hàng phần trăm	Hàng phần nghìn
0,001	0	,	0	0	1
0,249	0	,	2	4	9

1 a) Đọc mỗi số thập phân sau:



b) Viết mỗi số thập phân sau:

Không thấy không không tám



Không thấy sáu bảy hai



Không thấy một trăm linh chín



Không thấy ba trăm hai mươi tám



2 Chuyển các phân số thập phân về dạng số thập phân (theo mẫu):

Mẫu: $\frac{6}{1\,000} = 0,006$

$$\frac{9}{1\,000}$$

$$\frac{24}{1\,000}$$

$$\frac{391}{1\,000}$$

$$\frac{550}{1\,000}$$

3 Chuyển các số thập phân về dạng phân số thập phân (theo mẫu):

Mẫu: $0,982 = \frac{982}{1\,000}$

$$0,123$$

$$0,908$$

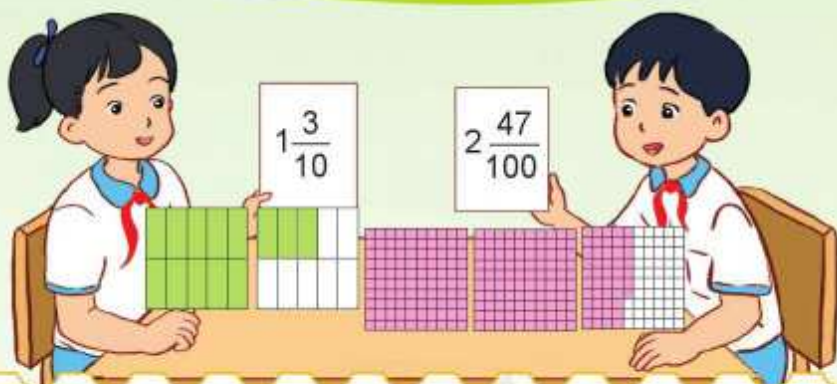
$$0,77$$

$$0,008$$

4 Đọc cân nặng của mỗi loại quả sau:



16. SỐ THẬP PHÂN (tiếp theo)



$1\frac{3}{10}$ được viết thành 1,3.

1,3 đọc là **một phẩy ba**.

$$1,3 = 1\frac{3}{10}$$

$2\frac{47}{100}$ được viết thành 2,47.

2,47 đọc là **hai phẩy bốn mươi bảy**.

$$2,47 = 2\frac{47}{100}$$

Các số 1,3 và 2,47 cũng gọi là các **số thập phân**.

Số thập phân	Phần nguyên			,	Phần thập phân		
	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị		Hàng phần mười	Hàng phần trăm	Hàng phần nghìn
1,3			1	,	3		
2,47			2	,	4	7	
123,567	1	2	3	,	5	6	7

Nhận xét:

- Mỗi số thập phân gồm hai phần: phần nguyên và phần thập phân được phân cách bởi dấu phẩy.

Những chữ số ở bên trái dấu phẩy thuộc về phần nguyên, những chữ số ở bên phải dấu phẩy thuộc về phần thập phân.

Ví dụ:

$\underline{123},567$
 ↙ ↘
 Phần nguyên Phần thập phân

- Mỗi đơn vị của một hàng bằng 10 đơn vị của hàng thấp hơn liền sau.

Mỗi đơn vị của một hàng bằng $\frac{1}{10}$ (hay 0,1) đơn vị của hàng cao hơn liền trước.

- Muốn đọc một số thập phân, ta đọc lần lượt từ hàng cao đến hàng thấp: trước hết đọc phần nguyên, đọc dấu “phẩy”, sau đó đọc phần thập phân.

Muốn viết một số thập phân, ta viết lần lượt từ hàng cao đến hàng thấp: trước hết viết phần nguyên, viết dấu “phẩy”, sau đó viết phần thập phân.

- 1) a) Chuyển các hỗn số sau thành số thập phân rồi đọc các số thập phân đó:

$$3\frac{7}{10}$$

$$5\frac{63}{100}$$

$$12\frac{378}{1\,000}$$

- b) Nêu phần nguyên và phần thập phân trong mỗi số thập phân ở câu a.

- 2) a) Đọc các số thập phân (theo mẫu):

Mẫu: Số thập phân 5,126 đọc là năm phẩy một hai sáu hoặc đọc là năm phẩy một trăm hai mươi sáu.

2,71

34,206

19,041

0,523

- b) Viết mỗi số thập phân sau:

Ba phẩy không không tám

Mười lăm phẩy sáu

Bảy phẩy ba chín

Hai trăm năm mươi sáu phẩy bảy mươi ba

Năm phẩy ba trăm linh hai

Mười phẩy không trăm tám mươi hai

3 a) Đọc các số thập phân (theo mẫu):

Mẫu: Số thập phân 2,31 đọc là hai đơn vị, ba mươi một phần trăm.

0,9

4,72

2,803

27,055

b) Viết số thập phân có:

Bốn đơn vị, năm phần mười

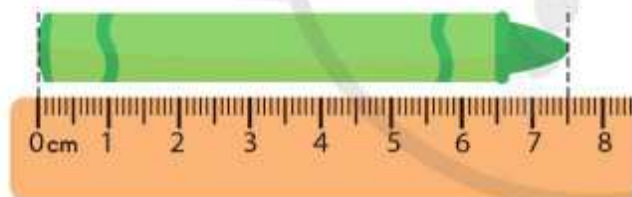
Không đơn vị, hai mươi lăm phần nghìn

Ba mươi hai đơn vị, tám mươi bảy phần trăm

Bảy nghìn không trăm linh ba đơn vị, bốn phần trăm

c) Chỉ vào từng chữ số trong mỗi số thập phân ở câu a và nói cho bạn nghe chữ số đó thuộc hàng nào.

4 Số ?



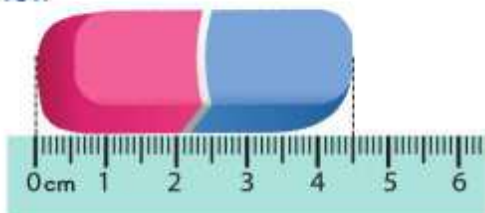
Chiếc bút màu dài ? cm.



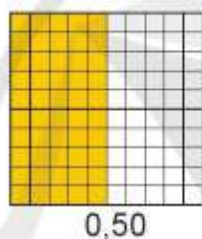
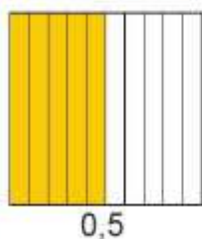
Quả dưa cân nặng ? kg.

5 Sử dụng thước thẳng đo độ dài của một số đồ dùng học tập rồi ghi lại kết quả đo với đơn vị xăng-ti-mét.

Ví dụ: Viên tẩy dài 4,5 cm.



17. SỐ THẬP PHẦN BẰNG NHAU



Phần tô màu của hai hình bằng nhau nên ta có: $0,5 = 0,50$.

Ta nói: 0,5 và 0,50 là hai số thập phân bằng nhau.

Nhận xét:

- Nếu viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân của một số thập phân thì được một số thập phân bằng nó.

Ví dụ: $0,5 = 0,50 = 0,500 = 0,5000$

$5,81 = 5,810 = 5,8100 = 5,81000$

- Nếu một số thập phân có chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân thì khi bỏ chữ số 0 đó đi, ta được một số thập phân bằng nó.

Ví dụ: $0,9000 = 0,900 = 0,90 = 0,9$

$46,000 = 46,00 = 46,0 = 46$

- Mỗi số tự nhiên có thể viết thành một số thập phân mà phần thập phân là những chữ số 0.

Ví dụ: $68 = 68,0 = 68,00 = 68,000$

1 Chọn ra hai số thập phân bằng nhau trong các số thập phân cho dưới đây:

a) 3,001 3,010 3,100 3,1

b) 6,8 6,080 6,880 6,08

2 a) Viết một số thập phân bằng với mỗi số thập phân cho dưới đây:

0,3 0,70 0,060 7,2

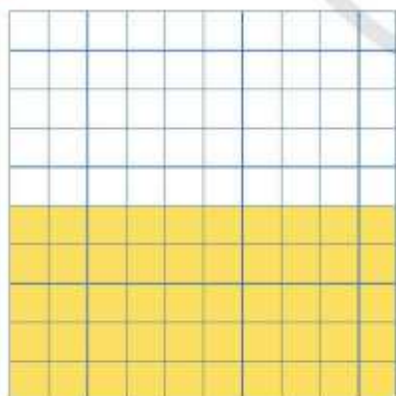
b) Viết hai số thập phân bằng với mỗi số thập phân cho dưới đây:

0,200 0,9 6,10 0,080

3 Chỉ ra các câu đúng:

a) $12,40 = 12,4$ b) $25 = 25,0$ c) $1,03 = 1,30$ d) $1,500 = 1,50$

4 Khi quan sát hình vẽ, các bạn Hoa, Linh, Đan, Dũng phát biểu như sau:



- Bạn Hoa nói: "Đã tô màu vào $\frac{1}{2}$ hình".
 - Bạn Linh nói: "Đã tô màu vào $\frac{5}{10}$ hình".
 - Bạn Đan nói: "Đã tô màu vào 0,5 hình".
 - Bạn Dũng nói: "Đã tô màu vào 0,05 hình".
- Theo em, những bạn nào nói đúng?
Tại sao?

5 Lân nói rằng: "0,80 lớn hơn 0,8 vì 80 lớn hơn 8". Em có đồng ý với Lân không? Tại sao?

18. SO SÁNH CÁC SỐ THẬP PHÂN

Đọc bảng trên và thảo luận về tuổi thọ trung bình của một số nước năm 2022.



Tên nước	Tuổi thọ trung bình
Trung Quốc	72,71
Pháp	81,00
Ấn Độ	64,19
Nhật Bản	82,73
Lào	66,06
Singapore	80,60
Thái Lan	73,56
Việt Nam	74,35

(Nguồn: <https://vi.wikipedia.org>)



1. So sánh 7,3 và 6,5

	Phần nguyên	,	Phần thập phân
7,3 →	7	,	3
6,5 →	6	,	5



$$7 > 6$$

Vậy $7,3 > 6,5$ hay $6,5 < 7,3$.

Trong hai số thập phân có phần nguyên khác nhau, số thập phân nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn.

2. So sánh 5,329 và 5,371

	Hàng đơn vị	,	Hàng phần muời	Hàng phần trăm	Hàng phần nghìn
5,329 →	5	,	3	2	9
5,371 →	5	,	3	7	1
	↓		↓	↓	
	5 = 5		3 = 3	2 < 7	

Vậy $5,329 < 5,371$ hay $5,371 > 5,329$.

- Nếu phần nguyên của hai số thập phân bằng nhau, ta lần lượt so sánh từng cặp chữ số trên cùng một hàng ở phần thập phân (kể từ trái qua phải), cho đến khi xuất hiện cặp chữ số đầu tiên khác nhau. Ở cặp chữ số khác nhau đó, chữ số nào lớn hơn thì số chứa chữ số đó lớn hơn.
- Nếu hai số thập phân có phần nguyên và phần thập phân bằng nhau thì hai số đó bằng nhau.

1 $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$?

7,62 ? 9,4

50,001 ? 50,01

7 ? 6,99

9,9 ? 8,95

17,183 ? 17,09

0,89 ? 1,5

17,004 ? 16,9

29,5 ? 29,50

0,00041 ? 0,0005

2

a) Tìm số bé nhất, số lớn nhất trong các số thập phân sau:



2,601



2,610



2,061



20,61

b) Sắp xếp các số thập phân sau theo thứ tự từ lớn đến bé:



22,86



23,01



22,68



23,853

- 3 a) Tìm chữ số thích hợp cho ô $\square$:

$$5,6\square4 < 5,614$$

- b) Tìm số tự nhiên thích hợp cho ô $\square$:

$$0,9 < \square < 1,2$$

$$84,97 < \square < 85,14$$

- 4 Nguyên muốn chọn con đường ngắn hơn để đi bộ từ nhà đến trường. Theo em, Nguyên nên chọn con đường tô màu đỏ hay màu xanh?



- 5 Thời gian chạy hết 100 m của ba bạn Khoa, Châu, Thư lần lượt là: 16,48 giây; 16,40 giây; 16,58 giây. Hãy cho biết ai là người về đích đầu tiên.

- 6 a) Em hãy hỏi chiều cao của mọi người trong gia đình và ghi lại.

Ví dụ: Mẹ cao 1,56 m.

- b) Viết tên các thành viên trong gia đình em theo thứ tự từ người thấp nhất đến người cao nhất.

19. LÀM TRÒN SỐ THẬP PHÂN



Làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị ta được số nào?



Ví dụ 1: Làm tròn các số 6,2; 6,7 và 6,5 đến hàng đơn vị



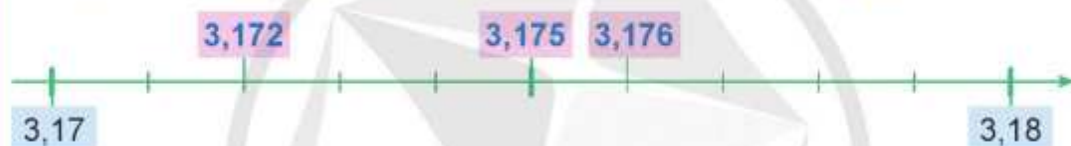
- Ta thấy: Số 6,2 gần với số 6 hơn số 7.
Vậy: Khi làm tròn số **6,2** đến hàng đơn vị, ta được số **6**.
- Ta thấy: Số 6,7 gần với số 7 hơn số 6.
Vậy: Khi làm tròn số **6,7** đến hàng đơn vị, ta được số **7**.
- Ta thấy: Số 6,5 cách đều hai số 6 và số 7.
Quy ước: Khi làm tròn số **6,5** đến hàng đơn vị, ta được số **7**.

Ví dụ 2: Làm tròn các số 3,63; 3,68 và 3,65 đến hàng phần mười



- Ta thấy: Số 3,63 gần với số 3,6 hơn số 3,7.
Vậy: Khi làm tròn số **3,63** đến hàng phần mười, ta được số **3,6**.
- Ta thấy: Số 3,68 gần với số 3,7 hơn số 3,6.
Vậy: Khi làm tròn số **3,68** đến hàng phần mười, ta được số **3,7**.
- Ta thấy: Số 3,65 cách đều hai số 3,6 và số 3,7.
Quy ước: Khi làm tròn số **3,65** đến hàng phần mười, ta được số **3,7**.

Ví dụ 3: Làm tròn các số 3,172; 3,176 và 3,175 đến hàng phần trăm



- Ta thấy: Số 3,172 gần với số 3,17 hơn số 3,18.
Vậy: Khi làm tròn số **3,172** đến hàng phần trăm, ta được số **3,17**.
- Ta thấy: Số 3,176 gần với số 3,18 hơn số 3,17.
Vậy: Khi làm tròn số **3,176** đến hàng phần trăm, ta được số **3,18**.
- Ta thấy: Số 3,175 cách đều hai số 3,17 và số 3,18.
Quy ước: Khi làm tròn số **3,175** đến hàng phần trăm, ta được số **3,18**.

1 Làm tròn các số sau đến hàng đơn vị:

a) 8,3

b) 12,52

c) 36,738

2 Làm tròn các số sau đến hàng phần mười:

a) 9,25

b) 12,34

c) 23,296

3 Làm tròn các số sau đến hàng phần trăm:

a) 2,673

b) 13,427

c) 265,865

- 4** Làm tròn số sau đến hàng đơn vị, hàng phần mười, hàng phần trăm:

Số	Làm tròn đến		
	Hàng đơn vị	Hàng phần mười	Hàng phần trăm
12,653	?	?	?

- 5** Một tờ giấy cân nặng khoảng 4,103 g. Theo em, 10 tờ giấy như vậy cân nặng khoảng bao nhiêu gam? (Làm tròn đến hàng đơn vị).

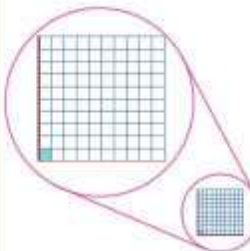


- 6** Quan sát cân và cho biết mỗi bạn cân nặng khoảng bao nhiêu ki-lô-gam.



20. ÔN TẬP VỀ CÁC ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH ĐÃ HỌC

- 1 a) Kể tên các đơn vị đo diện tích đã học. Nêu mối quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích đó.

m^2 $1\text{ m} \times 1\text{ m}$ 	dm^2 $1\text{ dm} \times 1\text{ dm}$ 	cm^2 $1\text{ cm} \times 1\text{ cm}$ 	mm^2 $1\text{ mm} \times 1\text{ mm}$ 
--	---	---	--

b) Số ?

m^2	dm^2	cm^2	mm^2
1 m^2 $= \boxed{?} \text{ dm}^2$	1 dm^2 $= \boxed{?} \text{ cm}^2$ $= \boxed{?} \text{ m}^2$	1 cm^2 $= \boxed{?} \text{ mm}^2$ $= \boxed{?} \text{ dm}^2$	1 mm^2 $= \boxed{?} \text{ cm}^2$

Mỗi đơn vị đo diện tích gấp 100 lần đơn vị bé tiếp liền.



2 Số ?

$$8\text{ m}^2\ 15\text{ dm}^2 = \boxed{?} \text{ dm}^2$$

$$35\text{ cm}^2\ 12\text{ mm}^2 = \boxed{?} \text{ mm}^2$$

$$10\text{ m}^2\ 7\text{ dm}^2 = \boxed{?} \text{ dm}^2$$

$$8\text{ cm}^2\ 6\text{ mm}^2 = \boxed{?} \text{ mm}^2$$

$$5\text{ dm}^2\ 23\text{ cm}^2 = \boxed{?} \text{ cm}^2$$

$$56\text{ dm}^2\ 33\text{ mm}^2 = \boxed{?} \text{ mm}^2$$

3 Chọn đơn vị đo diện tích (m^2 , dm^2 , cm^2 , mm^2) thích hợp cho ô :

a) Diện tích tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500 000 đồng khoảng 100 .

b) Diện tích mặt bàn khoảng 40 .

c) Diện tích bể bơi khoảng 40 .

d) Diện tích bề mặt một nút ấn trên điều khiển ti vi khoảng 32 .

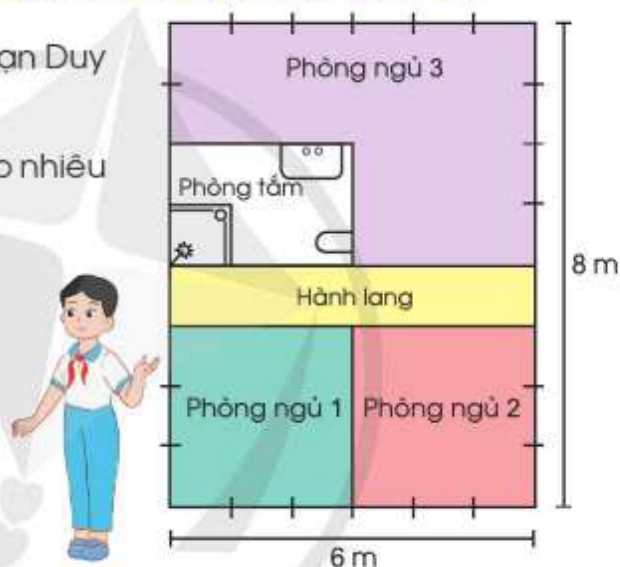
4 Quan sát sơ đồ các phòng ở tầng 2 của nhà bạn Duy dưới đây:

a) Tổng diện tích tầng 2 nhà bạn Duy là bao nhiêu mét vuông?

b) Diện tích phòng ngủ 2 là bao nhiêu mét vuông?

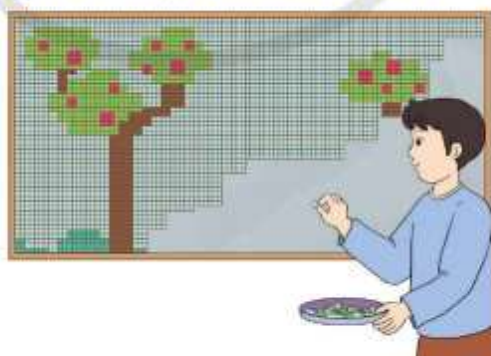
c) Diện tích phòng ngủ 3 là bao nhiêu mét vuông?

d) Hãy đặt và trả lời các câu hỏi liên quan đến các thông tin trên sơ đồ.



5 Một người thợ gốm đang hoàn thiện bức tranh như hình vẽ dưới đây.

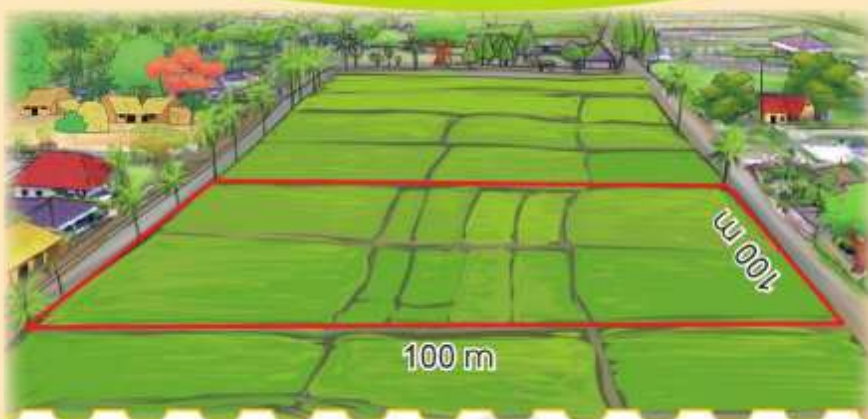
Mỗi cột có 50 mảnh gốm, mỗi hàng có 100 mảnh gốm.



a) Bức tranh khi hoàn thành được gắn bởi tất cả bao nhiêu mảnh gốm?

b) Nếu mỗi mảnh gốm nhỏ hình vuông có cạnh 2 cm thì diện tích bức tranh là bao nhiêu mét vuông (không kể viền)?

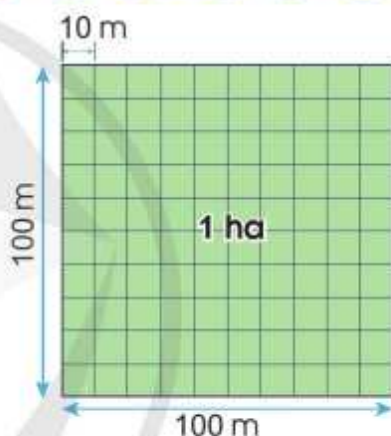
21. HÉC-TA



Để đo diện tích ruộng đất, người ta còn dùng đơn vị **héc-ta**.

- Héc-ta là diện tích của hình vuông có cạnh dài 100 m.
- Héc-ta viết tắt là ha.
- Ta thấy diện tích hình vuông có cạnh dài 100 m là: $100 \times 100 = 10\,000 \text{ (m}^2\text{)}$.

$$1 \text{ ha} = 10\,000 \text{ m}^2; 10\,000 \text{ m}^2 = 1 \text{ ha}$$



1 a) Đọc các số đo diện tích sau: 135 ha; $\frac{1}{4}$ ha; 3,2 ha; 15,38 ha.

b) Viết các số đo diện tích sau:

- Sáu nghìn bốn trăm ba mươi héc-ta,
- Mười hai phẩy năm héc-ta,
- Một trăm ba mươi lăm phẩy sáu mươi hai héc-ta.

2 Số ?

a) 4 ha = m²

10 ha = m²

275 ha = m²

b) 80 000 m² = ha

600 000 m² = ha

$\frac{3}{4}$ ha = m²

3 a) Sân bóng đá Mỹ Đình (Hà Nội) có dạng hình chữ nhật với chiều dài 105 m, chiều rộng 68 m. Hỏi diện tích sân bóng đá Mỹ Đình lớn hơn hay bé hơn 1 ha?

b) Một bãi đỗ xe có diện tích 1 ha, mỗi chỗ để xe ô tô con có diện tích khoảng 25 m² (bao gồm cả diện tích dừng làm lối đi). Hỏi có nhiều nhất bao nhiêu ô tô con đỗ được cùng một lúc trong bãi đỗ xe đó?

4 Diện tích rừng Cúc Phương là 22 200 ha (Nguồn: <https://vi.wikipedia.org>). Em hãy viết số đo diện tích rừng Cúc Phương theo đơn vị mét vuông.



(Ảnh: <https://www.shutterstock.com>)

5 Khuôn viên quảng trường Ba Đình ngày nay có dạng hình chữ nhật với chiều dài 320 m và chiều rộng 100 m (Nguồn: <https://vi.wikipedia.org>).



(Ảnh: <https://www.shutterstock.com>)

a) Hương nói rằng quảng trường Ba Đình có diện tích khoảng 3 ha. Theo em, Hương nói có đúng không?

b) Nếu cứ mỗi mét vuông có 4 người đứng thì quảng trường Ba Đình có thể chứa được bao nhiêu người?

6 Tìm hiểu trên sách, báo, Internet và các phương tiện truyền thông khác thông tin về diện tích một số vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, sân vận động,...

22. KI-LÔ-MÉT VUÔNG



Diện tích khu đô thị là bao nhiêu?



Để đo các diện tích lớn như diện tích một tỉnh, một thành phố, một khu rừng hay một vùng biển,... người ta thường dùng đơn vị **ki-lô-mét vuông**.

- Ki-lô-mét vuông là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 km.
- Ki-lô-mét vuông viết tắt là km^2 .

$$1 \text{ km}^2 = 1\,000\,000 \text{ m}^2$$

$$1 \text{ km}^2 = 100 \text{ ha}$$

Ví dụ: Diện tích Thành phố Hồ Chí Minh (theo số liệu năm 2021) là khoảng 2 095,39 km^2 .

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

1 a) Đọc các số đo diện tích sau:

$$438 \text{ km}^2; \frac{1}{500} \text{ km}^2; 17,5 \text{ km}^2; 45,71 \text{ km}^2.$$

b) Viết các số đo diện tích sau:

- Mười nghìn chín trăm ba mươi ki-lô-mét vuông,
- Mười lăm phẩy hai mươi sáu ki-lô-mét vuông,
- Chín trăm bốn mươi mốt phẩy bảy ki-lô-mét vuông.

2 Số ?

a) $3 \text{ km}^2 = \boxed{?} \text{ m}^2$

$332 \text{ km}^2 = \boxed{?} \text{ m}^2$

b) $1\,000\,000 \text{ m}^2 = \boxed{?} \text{ km}^2$

$9\,000\,000 \text{ m}^2 = \boxed{?} \text{ km}^2$

c) $5 \text{ km}^2 = \boxed{?} \text{ ha}$

$4\,500 \text{ ha} = \boxed{?} \text{ km}^2$

3 Bảng sau cho biết diện tích của ba thành phố (theo số liệu năm 2021):

Thành phố	Hà Nội	Đà Nẵng	Thành phố Hồ Chí Minh
Diện tích	3 359,82 km ²	1 284,73 km ²	2 095,39 km ²

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

a) Thành phố nào có diện tích bé nhất?

b) Thành phố nào có diện tích lớn nhất?

4 Chọn đơn vị đo diện tích (km², ha, m²) thích hợp cho ô ? :

a) Diện tích căn phòng khoảng 60 ?.

b) Diện tích hồ nước khoảng 6 ?.

c) Diện tích khu rừng khoảng 6 ?.

5 Đại Nội Huế là một phần trong Quần thể di tích Cố đô Huế có diện tích khoảng 520 ha (Nguồn: <http://vi.wikipedia.org>). Hỏi Đại Nội Huế có diện tích bao nhiêu mét vuông?

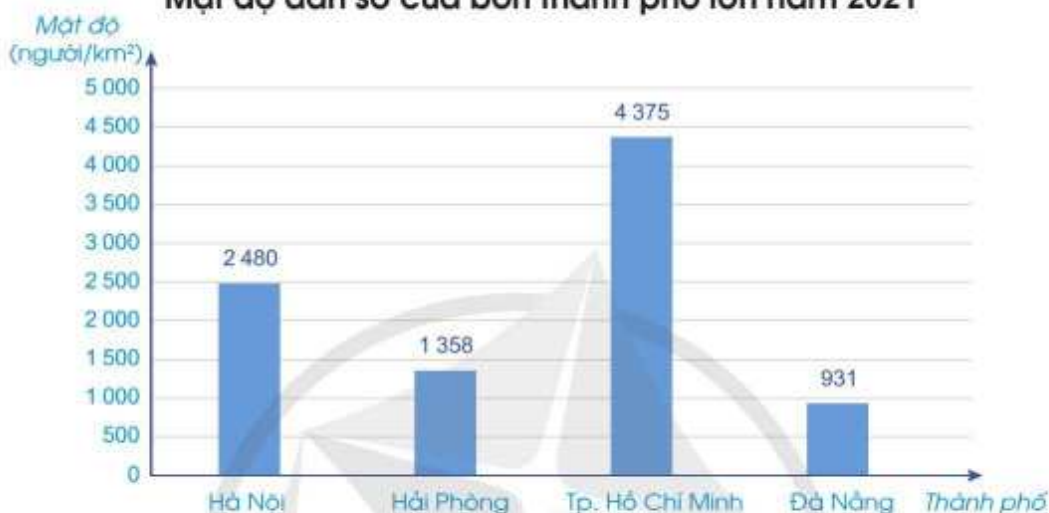


Cố đô Huế

(Ảnh: <https://www.shutterstock.com>)

- 6** **Mật độ dân số** là số chỉ số dân trung bình sinh sống trên diện tích 1 km^2 . Biểu đồ dưới đây cho biết mật độ dân số của bốn thành phố lớn (theo số liệu năm 2021).

Mật độ dân số của bốn thành phố lớn năm 2021



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Dựa vào biểu đồ, trả lời các câu hỏi:

- Thành phố nào có mật độ dân số lớn nhất?
- Thành phố nào có mật độ dân số nhỏ nhất?

- 7** Tìm hiểu trên sách, báo, Internet và các phương tiện truyền thông khác thông tin về diện tích. Chẳng hạn: Nga là quốc gia có diện tích lớn nhất thế giới với hơn 17 triệu km^2 ; Diện tích đất liền trên Trái Đất khoảng 149 triệu km^2 (Nguồn: <https://vi.wikipedia.org>).



23. EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

1 Nói cho bạn nghe những điều em học được trong chủ đề này:

Tôi đã đọc, viết được hỗn số, số thập phân.

Tôi biết làm tròn số thập phân và vận dụng trong cuộc sống.

Tôi tìm được hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.

...

2 a) Nêu phân số hoặc hỗn số chỉ phần đã tô màu trong các hình sau:



b) $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix} ?$

$$\frac{3}{4} \quad ? \quad \frac{5}{7}$$

$$\frac{6}{25} \quad ? \quad \frac{3}{5}$$

$$\frac{5}{9} \quad ? \quad \frac{7}{12}$$

c) Tìm lỗi sai rồi sửa lại cho đúng:

$$\frac{2}{5} = \frac{8}{20}$$

$$\frac{3}{4} = \frac{12}{20}$$

$$\frac{3}{5} = \frac{12}{30}$$

$$\frac{5}{6} = \frac{25}{30}$$

$$\frac{7}{9} = \frac{42}{54}$$

$$\frac{1}{6} = \frac{6}{54}$$

d) Tính:

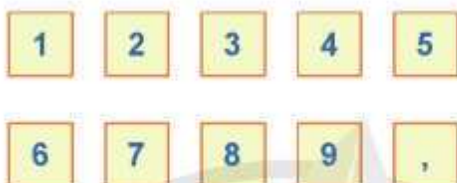
$$\frac{5}{8} + \frac{1}{3}$$

$$\frac{1}{6} + \frac{8}{9}$$

$$\frac{4}{5} - \frac{3}{4}$$

$$\frac{5}{12} - \frac{3}{20}$$

3 Cho các thẻ chữ số và thẻ dấu phẩy sau:

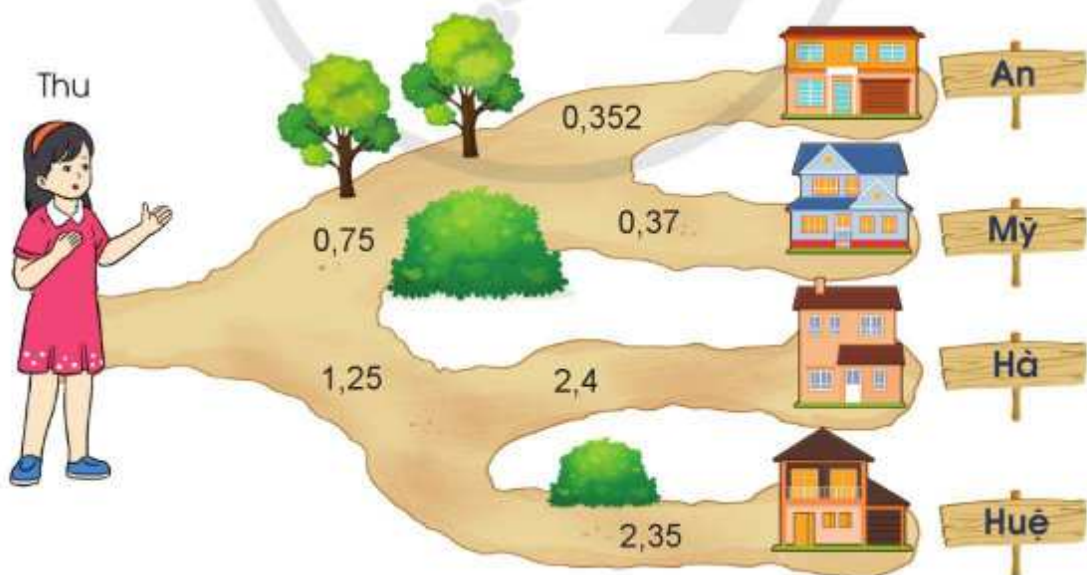


a) Lập một số thập phân có sáu chữ số khác nhau và có ba chữ số ở phần thập phân.

b) Làm tròn số thập phân lập được ở câu a đến hàng đơn vị, hàng phần mười, hàng phần trăm.



4 Ở mỗi ngã rẽ, Thu sẽ rẽ theo con đường ghi số thập phân bé hơn. Theo em, Thu đến thăm nhà bạn nào?



- 5 a) Chị Mai trộn bột mì và đường để làm bánh theo công thức 5 phần bột, 2 phần đường. Biết rằng khối lượng bột và đường sau khi trộn là 420 g. Hỏi chị Mai đã trộn bao nhiêu gam bột, bao nhiêu gam đường?



- b) Tổng số lượt khách tham quan vườn bách thú trong tuần thứ nhất và tuần thứ hai là 240 lượt. Do thời tiết không thuận lợi nên số lượt khách tham quan vườn bách thú trong tuần thứ hai giảm đi 3 lần so với tuần thứ nhất. Tính số lượt khách tham quan trong từng tuần.

6 Quan sát bảng sau:

Cạnh hình vuông (cm)	20	10	5
Chu vi hình vuông (cm)	80	40	20

- a) Khi độ dài cạnh hình vuông giảm đi 2 lần thì chu vi hình vuông giảm đi bao nhiêu lần?
 b) Khi độ dài cạnh hình vuông giảm đi 4 lần thì chu vi hình vuông giảm đi bao nhiêu lần?
 c) Nêu nhận xét về quan hệ phụ thuộc giữa chu vi của hình vuông với độ dài cạnh của nó.

- 7 Ước lượng chiều dài và chiều rộng của sàn phòng học lớp em theo đơn vị mét rồi tính diện tích phòng học đó. Làm tròn số đo diện tích tìm được đến hàng chục và ước lượng xem cần ghép bao nhiêu mặt sàn phòng học như vậy thì có diện tích là 1 ha.



**HỌC VUI
VUI HỌC**



24. EM VUI HỌC TOÁN

- 1 a) Tìm hiểu ý nghĩa của những con số.

Trong cuộc sống, chúng ta sẽ gặp những con số ở khắp nơi như số điện thoại, số nhà, biển số xe, số căn cước công dân,...



Mã bưu chính



Biển số xe



Mã vạch trên bao bì sản phẩm

- b) Hãy tìm hiểu về ý nghĩa số căn cước công dân rồi chia sẻ với bạn:

Bạn có biết ý nghĩa của 12 chữ số trên thẻ căn cước công dân?



Tôi biết 3 chữ số đầu tiên là mã tỉnh/thành phố nơi công dân đăng ký khai sinh.



Chữ số tiếp theo cho biết người đó sinh ở thế kỉ nào và giới tính của người đó. Nếu sinh ở thế kỉ XX thì nam là 0, nữ là 1. Nếu sinh ở thế kỉ XXI thì nam là 2, nữ là 3.



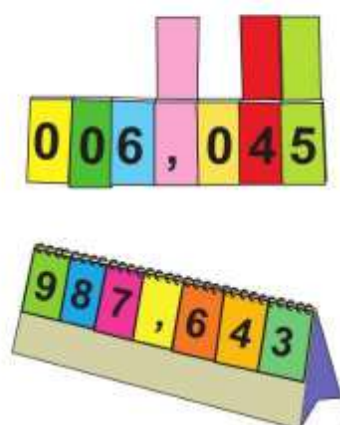
2 chữ số tiếp theo là 2 chữ số cuối của năm sinh, 6 chữ số cuối cùng là những số ngẫu nhiên.



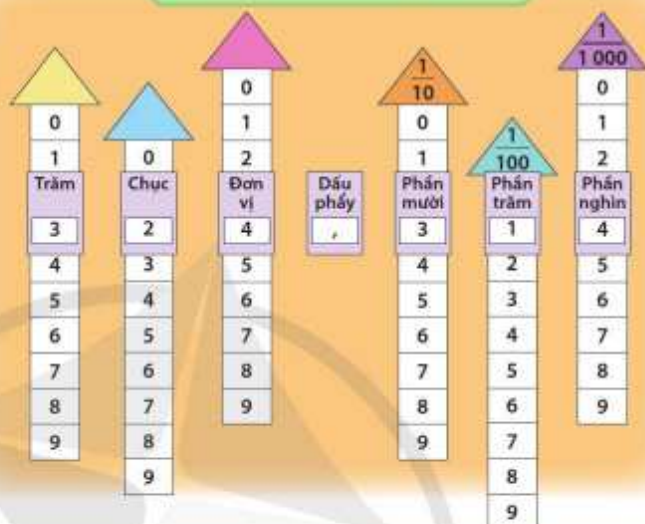
- c) Hỏi số căn cước công dân của người thân rồi nói các thông tin em biết được khi nhìn vào số căn cước công dân đó.

2 Thực hành: Làm công cụ học số thập phân.

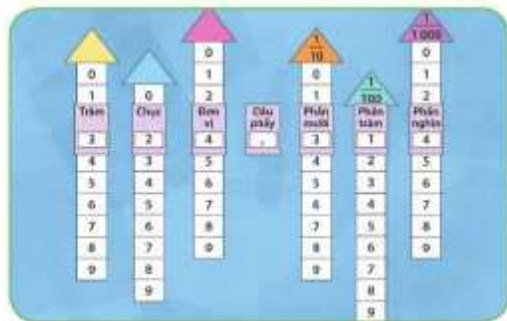
a) Thảo luận đề xuất ý tưởng làm công cụ học số thập phân.



Sơ đồ giá trị vị trí thập phân



b) Làm công cụ học số thập phân theo ý tưởng của nhóm em.



3

a) Sử dụng công cụ học số thập phân của nhóm em để biểu diễn các số thập phân sau và nêu giá trị của mỗi chữ số trong các số thập phân đó.

0,6

9,3

7,21

457,012

Một trăm hai mươi lăm đơn vị, năm mươi một phần trăm

Sáu mươi hai đơn vị, ba trăm linh hai phần nghìn

Tám mươi sáu phẩy không trăm sáu mươi tám

b) Trò chơi “Đố bạn”

Nêu một câu hỏi bất kì đố bạn sử dụng công cụ học số thập phân để thực hiện.

Đố bạn biểu diễn số 8 657,034.

Hãy làm tròn số 8 657,034 đến hàng phần trăm.



II

CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ THẬP PHÂN



25. CỘNG CÁC SỐ THẬP PHÂN

Có 2,25 l nước, mình đổ thêm 1,32 l nước.

Có tất cả bao nhiêu lít nước?



Tính $2,25 + 1,32 = ?$

• Đặt tính:

$$\begin{array}{r} 2,25 \\ + 1,32 \\ \hline \end{array}$$

Các chữ số ở cùng một hàng đặt thẳng cột với nhau.

• Tính:

$$\begin{array}{r} 2,25 \\ + 1,32 \\ \hline 3,57 \end{array}$$

Thực hiện phép cộng như cộng các số tự nhiên.

• Viết dấu phẩy:

$$\begin{array}{r} 2,25 \\ + 1,32 \\ \hline 3,57 \end{array}$$

Viết dấu phẩy ở tổng thẳng cột với các dấu phẩy của các số hạng.

Vậy $2,25 + 1,32 = 3,57$

Muốn cộng hai số thập phân, ta làm như sau:

- Viết số hạng này dưới số hạng kia sao cho các chữ số ở cùng một hàng đặt thẳng cột với nhau.
- Cộng như cộng hai số tự nhiên.
- Viết dấu phẩy ở tổng thẳng cột với các dấu phẩy của các số hạng.

1 a) Tính:

$$\begin{array}{r} 34,4 \\ + 65,8 \\ \hline \boxed{?} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 28,19 \\ + 6,04 \\ \hline \boxed{?} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 17,9 \\ + 2,67 \\ \hline \boxed{?} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2,68 \\ + 39,7 \\ \hline \boxed{?} \end{array}$$

b) Đặt tính rồi tính:

$$29,62 + 74,35$$

$$16,35 + 8,9$$

$$8,8 + 21,75$$

$$26,458 + 0,57$$

2 Tìm cách đặt tính sai rồi sửa lại cho đúng:

a) $16,95 + 4,3 = ?$

Phương

$$\begin{array}{r} 16,95 \\ + 4,3 \\ \hline \end{array}$$

Linh

$$\begin{array}{r} 16,95 \\ + 16,95 \\ + 4,30 \\ \hline \end{array}$$

Ngọc

$$\begin{array}{r} 16,95 \\ + 4,300 \\ \hline \end{array}$$

b) $605 + 3,48 = ?$

Trung

$$\begin{array}{r} 605 \\ + 3,48 \\ \hline \end{array}$$

Hương

$$\begin{array}{r} 605,00 \\ + 3,48 \\ \hline \end{array}$$

Hiếu

$$\begin{array}{r} 605,00 \\ + 3,48 \\ \hline \end{array}$$

3 Tính (theo mẫu):

Mẫu: $5,63 + 14,25 + 9,7 = ?$

$$\begin{array}{r} 5,63 \\ + 14,25 \\ + 9,7 \\ \hline 29,58 \end{array}$$

Vậy $5,63 + 14,25 + 9,7 = 29,58$

Để tính tổng nhiều số thập phân, ta làm tương tự như tính tổng hai số thập phân.



a) $2,92 + 5,07 + 18,66$ b) $4,36 + 2,53 + 0,96$ c) $34,8 + 9,76 + 24,35$

4 Người ta ghi lại chiều cao của một cây trồng trong một phòng thí nghiệm sinh học. Tuần đầu tiên cây cao 4,57 cm. Tuần thứ hai, cây cao thêm 1,7 cm. Tuần thứ ba, cây tiếp tục cao thêm 2,45 cm. Hỏi sau tuần thứ ba cây cao bao nhiêu xăng-ti-mét?



26. TRỪ CÁC SỐ THẬP PHÂN



Tính $1,43 - 1,39 = ?$

- Đặt tính:

$$\begin{array}{r} 1,43 \\ - 1,39 \\ \hline \end{array}$$

Các chữ số ở cùng một hàng đặt thẳng cột với nhau.

- Tính:

$$\begin{array}{r} 1,43 \\ - 1,39 \\ \hline 0,04 \end{array}$$

Thực hiện phép trừ như trừ các số tự nhiên.

- Viết dấu phẩy:

$$\begin{array}{r} 1,43 \\ - 1,39 \\ \hline 0,04 \end{array}$$

Viết dấu phẩy ở hiệu thẳng cột với các dấu phẩy của số bị trừ và số trừ.

Vậy $1,43 - 1,39 = 0,04$

Muốn trừ hai số thập phân, ta làm như sau:

- Viết số trừ dưới số bị trừ sao cho các chữ số ở cùng một hàng đặt thẳng cột với nhau.
- Trừ như trừ hai số tự nhiên.
- Viết dấu phẩy ở hiệu thẳng cột với các dấu phẩy của số bị trừ và số trừ.

1 a) Tính:

$$\begin{array}{r} 67,3 \\ - 28,5 \\ \hline \square \\ ? \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 42,19 \\ - 31,57 \\ \hline \square \\ ? \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 31,5 \\ - 12,45 \\ \hline \square \\ ? \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 27,32 \\ - 18,9 \\ \hline \square \\ ? \end{array}$$

b) Đặt tính rồi tính:

$$26,58 - 18,19$$

$$238,57 - 138$$

$$12,34 - 10,125$$

$$43 - 21,86$$

2 Tìm lỗi sai rồi sửa lại cho đúng:

$$65,5 - 4,35 = ?$$

Bách

$$\begin{array}{r} 65,5 \\ - 4,35 \\ \hline 2,20 \end{array}$$

Thảo

$$\begin{array}{r} 65,5 \\ - 4,35 \\ \hline 61,15 \end{array}$$

3 Một vận động viên thi chạy Ma-ra-tông đã chạy được 31,57 km. Hỏi vận động viên đó còn phải chạy quãng đường dài bao nhiêu ki-lô-mét nữa để về đích? Biết rằng đường đua đó dài 42,195 km.



4 Một thùng đựng 26,75 kg gạo. Người ta lấy từ thùng đó ra 10,5 kg gạo, sau đó lại lấy ra 9 kg gạo nữa. Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

27. LUYỆN TẬP

1 Đặt tính rồi tính:

$$42,5 + 6,2$$

$$16,58 - 4$$

$$63,79 + 24$$

$$12,97 + 0,39$$

$$54,1 - 35$$

$$29 - 6,86$$

2 Tính giá trị của mỗi biểu thức sau:

$$26,38 - (7,5 + 3,16)$$

$$50,04 - 15,7 - 10,34$$

$$3,72 + 4,85 + 2,28$$

$$4,51 + 2,08 + 1,49 + 2,92$$

3 a) Tính rồi so sánh các kết quả ở từng cột:

$$6,48 - (4,48 + 0,9)$$

$$9 - 4,37 - 0,63$$

$$6,48 - 4,48 - 0,9$$

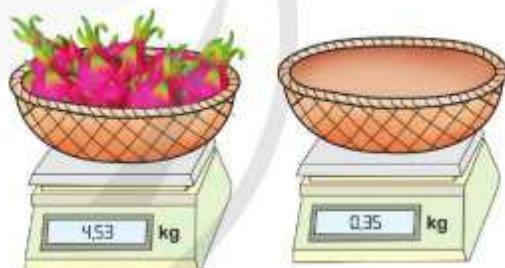
$$9 - (4,37 + 0,63)$$

b) Tính bằng cách thuận tiện:

$$8,44 - (5,44 + 2,8)$$

$$5,27 - 3,9 - 0,1$$

- 4 Rổ thanh long cân nặng 4,53 kg, biết rằng chiếc rổ khi không có thanh long cân nặng 0,35 kg. Tính cân nặng của các quả thanh long có trong rổ.



- 5 Một chú chó con cân nặng 2,3 kg. Một chú mèo con nhẹ hơn chú chó con 1,8 kg. Hỏi cả chó con và mèo con cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

- 6 a) Lập tất cả các số thập phân có hai chữ số ở phần thập phân bằng cách sử dụng các thẻ chữ số và thẻ dấu phẩy sau (mỗi thẻ sử dụng một lần):

2

4

6

,

- b) Tìm tổng, hiệu của số thập phân lớn nhất và số thập phân bé nhất có thể lập được từ những thẻ trên.

28. NHÂN MỘT SỐ THẬP PHÂN VỚI 10, 100, 1 000,...

Dự đoán xem 1 000 cái kẹo cân nặng bao nhiêu gam?



1 cái kẹo
cân nặng
1,892 g



10 cái kẹo
cân nặng
18,92 g



100 cái kẹo
cân nặng
189,2 g

$$1,892 \times 10 = 18,92$$

$$1,892 \times 100 = 189,2$$

$$1,892 \times 1\,000 = 1\,892$$

Chuyển dấu phẩy sang
bên phải.



Muốn nhân một số thập phân với 10, 100, 1 000,... ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên phải một, hai, ba,... chữ số.

Ví dụ:

$$68,723 \times 10 = 687,23$$

$$10,596 \times 10 = 105,96$$

$$68,723 \times 100 = 6\,872,3$$

$$10,596 \times 100 = 1\,059,6$$

$$68,723 \times 1\,000 = 68\,723$$

$$10,596 \times 1\,000 = 10\,596$$

1 Tính nhẩm:

a) $3,87 \times 10$

b) $6,854 \times 100$

c) $0,3865 \times 1\,000$

d) $6,21 \times 1\,000$

$49,8 \times 10$

$15,09 \times 100$

$6,794 \times 1\,000$

$1,8 \times 1\,000$

$261,9 \times 10$

$0,097 \times 100$

$15,961 \times 1\,000$

$0,5 \times 1\,000$

2 Số ?

a) Một con ruồi giấm dài khoảng 0,35 cm. Một con chuồn chuồn có chiều dài gấp 10 lần chiều dài con ruồi giấm, con chuồn chuồn đó dài khoảng ? cm.



b) Một con bọ rùa dài khoảng 7,62 mm. Hình ảnh phóng to của con bọ rùa đó dài gấp 100 lần chiều dài thực của nó. Con bọ rùa trong ảnh phóng to dài khoảng ? mm.

3 Số ?



4 Một đội công nhân lắp đặt sàn mới cho một hội trường hết 1 000 viên gạch hình vuông, mỗi viên có diện tích 0,36 m². Tính diện tích mặt sàn hội trường đó.

5 Người ta chở đến một bếp ăn bán trú 10 hộp cà chua và 10 hộp dưa chuột. Mỗi hộp cà chua cân nặng 4,5 kg, mỗi hộp dưa chuột cân nặng 12,5 kg. Hỏi bếp ăn bán trú đó đã nhận bao nhiêu ki-lô-gam cà chua và dưa chuột?



29. NHÂN MỘT SỐ THẬP PHÂN VỚI MỘT SỐ TỰ NHIÊN



Tính $1,36 \times 4 = ?$

- Đặt tính:

$$\begin{array}{r} 1,36 \\ \times \quad 4 \\ \hline \end{array}$$

Đặt tính giống như nhân hai số tự nhiên.

- Tính:

$$\begin{array}{r} 1,36 \\ \times \quad 4 \\ \hline 5\ 44 \end{array}$$

Thực hiện phép nhân như nhân hai số tự nhiên.

- Viết dấu phẩy:

$$\begin{array}{r} 1,36 \\ \times \quad 4 \\ \hline 5,44 \end{array}$$

Số 1,36 có 2 chữ số ở phần thập phân thì viết dấu phẩy sao cho ở tích cũng có 2 chữ số ở phần thập phân.

Vậy $1,36 \times 4 = 5,44$

Muốn nhân một số thập phân với một số tự nhiên, ta làm như sau:

- Thực hiện nhân như nhân hai số tự nhiên.
- Đếm xem phần thập phân của số thập phân có bao nhiêu chữ số rồi dùng dấu phẩy tách ở tích ra bấy nhiêu chữ số kể từ phải sang trái.

1 Đặt tính rồi tính:

$$24,8 \times 7$$

$$39,6 \times 8$$

$$18,9 \times 5$$

$$16,98 \times 31$$

$$80,2 \times 35$$

$$50,3 \times 24$$

$$7,8 \times 90$$

$$12,93 \times 80$$

$$0,05 \times 70$$

2 Tính nhẩm:

$$8 \times 4$$

$$0,8 \times 4$$

$$0,08 \times 4$$

$$11 \times 6$$

$$1,1 \times 6$$

$$0,11 \times 6$$

$$12 \times 3$$

$$1,2 \times 3$$

$$0,12 \times 3$$

3 Một đội bóng rổ đạt trung bình 52,5 điểm mỗi trận đấu. Tính số điểm đội bóng rổ đó đã đạt được trong cả mùa giải, biết rằng đội đã thi đấu tất cả 12 trận.

4 Một cây trưởng thành cao 30 m, trong một năm có thể hấp thụ khoảng 22,7 kg khí cac-bô-níc và sản xuất ra khoảng 2,7 kg khí ô-xi, lượng ô-xi này dự tính có thể hỗ trợ nhu cầu hô hấp ít nhất cho 2 người.

(Nguồn: <https://kienviet.net>)



a) Trong một năm, vườn cây có 50 cây trưởng thành thì có thể hấp thụ được khoảng bao nhiêu ki-lô-gam khí cac-bô-níc và sản xuất ra khoảng bao nhiêu ki-lô-gam khí ô-xi?

b) Để đủ hỗ trợ nhu cầu hô hấp cho một gia đình 6 người thì cần trồng bao nhiêu cây xanh như thế?

5 Tóc con người mọc khoảng 0,43 mm mỗi ngày. Bạn Khang nói rằng một tuần tóc mọc được hơn 3,5 mm. Em có đồng ý với bạn Khang không? Tại sao?



30. NHÂN MỘT SỐ THẬP PHÂN VỚI MỘT SỐ THẬP PHÂN



4,6 cm

Tính diện tích của con tem.



Tính $4,6 \times 3,1 = ?$

• Đặt tính:

$$\begin{array}{r} 4,6 \\ \times 3,1 \\ \hline \end{array}$$

Đặt tính giống như nhân hai số tự nhiên.

• Tính:

$$\begin{array}{r} 4,6 \\ \times 3,1 \\ \hline 46 \\ 138 \\ \hline 1426 \end{array}$$

Thực hiện phép nhân như nhân hai số tự nhiên.

• Viết dấu phẩy:

$$\begin{array}{r} 4,6 \\ \times 3,1 \\ \hline 46 \\ 138 \\ \hline 14,26 \end{array}$$

Hai thừa số 4,6 và 3,1 có tất cả 2 chữ số ở phần thập phân nên ta viết dấu phẩy sao cho ở tích cũng có 2 chữ số ở phần thập phân.

Vậy $4,6 \times 3,1 = 14,26$

Muốn nhân một số thập phân với một số thập phân, ta làm như sau:

- Thực hiện nhân như nhân hai số tự nhiên.
- Đếm xem trong phần thập phân của cả hai thừa số có bao nhiêu chữ số rồi dùng dấu phẩy tách ở tích ra bấy nhiêu chữ số kể từ phải sang trái.

1

a) Đặt tính rồi tính:

$7,8 \times 2,9$

$6,36 \times 2,5$

$27,2 \times 3,5$

$0,4 \times 3,8$

b) Tính nhẩm:

$0,7 \times 0,8$

$2,5 \times 0,4$

$2,3 \times 0,3$

$0,05 \times 2$

$1,7 \times 0,5$

$1,25 \times 0,8$

2

a) Tính rồi nêu nhận xét về kết quả của phép nhân một số thập phân với 0,1; 0,01:

$57,12 \times 0,1$

$57,12 \times 0,01$

$234,6 \times 0,1$

$234,6 \times 0,01$

b) Thảo luận về nhận xét sau và lấy ví dụ:

Nhận xét: Khi nhân một số thập phân với 0,1; 0,01; 0,001;... ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên trái một, hai, ba,... chữ số.

c) Tính nhẩm:

$579,8 \times 0,1$

$38,7 \times 0,1$

$6,7 \times 0,1$

$67,19 \times 0,01$

$805,13 \times 0,01$

$3,5 \times 0,01$

$362,5 \times 0,001$

$20,25 \times 0,001$

$5,6 \times 0,001$

3

Một con cá mới nở dài 0,25 cm. Một con cá trưởng thành dài gấp 7,6 lần con cá mới nở. Hỏi con cá trưởng thành đó dài bao nhiêu xăng-ti-mét?



4

a) Hai căn phòng đều có dạng hình chữ nhật. Căn thứ nhất có chiều dài 8,4 m, chiều rộng 5,2 m. Căn thứ hai có chiều dài 4,8 m, chiều rộng 3,7 m. Tính diện tích mỗi căn phòng.

b) Em hãy ước lượng các kích thước nền một căn phòng hình chữ nhật của nhà em theo đơn vị mét và tính diện tích nền căn phòng đó.

31. LUYỆN TẬP

1 a) Đặt tính rồi tính:

$$0,53 \times 16$$

$$7,3 \times 0,18$$

$$0,96 \times 0,35$$

$$3,14 \times 30$$

$$1,32 \times 1,5$$

$$30,4 \times 0,27$$

b) Tính nhẩm:

$$84,04 \times 10$$

$$0,25 \times 0,1$$

$$43 \times 11$$

$$84,04 \times 100$$

$$0,25 \times 0,01$$

$$4,3 \times 1,1$$

$$84,04 \times 1\,000$$

$$0,25 \times 0,001$$

$$0,43 \times 0,11$$

2 Tìm lỗi sai và sửa lại cho đúng:



$$\begin{array}{r} 2,13 \\ \times 1,5 \\ \hline 1065 \\ 213 \\ \hline 31,95 \end{array}$$



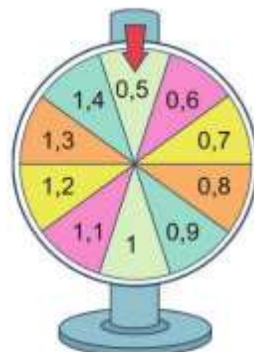
$$\begin{array}{r} 2,03 \\ \times 0,02 \\ \hline 4,06 \end{array}$$

3 Chi đã uống 5 cốc nước, mỗi cốc có 0,2 l. Quang đã uống 4 cốc nước, mỗi cốc có 0,25 l. Hỏi cả hai bạn đã uống bao nhiêu lít nước?

4 Một chiếc giỏ đựng được tối đa 5 kg. Mẹ bạn Linh mua rau và hoa quả. Số rau cân nặng 1,8 kg, số hoa quả cân nặng gấp 1,5 lần rau. Hỏi mẹ bạn Linh có thể đựng được hết số rau và hoa quả đã mua trong chiếc giỏ đó được không?

5 Trò chơi "Vòng quay may mắn"

Người chơi chọn một số tự nhiên bất kì từ 1 đến 9, xoay vòng quay, khi kim dừng lại ở số nào thì tìm tích của số đó với số tự nhiên đã chọn. Nếu tích lớn hơn hoặc bằng chữ số tự nhiên đã chọn thì thắng cuộc.



32. CHIA MỘT SỐ THẬP PHÂN CHO 10, 100, 1 000, ...



Mật ong
1 000 ml
1,3 kg



Mật ong
100 ml
0,13 kg



Mật ong
10 ml
0,013 kg

Dự đoán xem 1 ml
mật ong cân nặng
bao nhiêu ki-lô-gam?



Chuyển dấu phẩy
sang bên trái.

$$1,3 : 10 = 0,13$$

$$1,3 : 100 = 0,013$$

$$1,3 : 1\,000 = 0,0013$$



Muốn chia một số thập phân cho 10, 100, 1 000, ... ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên trái một, hai, ba, ... chữ số.

Ví dụ:

$$518,2 : 10 = 51,82$$

$$33,3 : 10 = 3,33$$

$$518,2 : 100 = 5,182$$

$$33,3 : 100 = 0,333$$

$$518,2 : 1\,000 = 0,5182$$

$$33,3 : 1\,000 = 0,0333$$

1 Tính nhẩm:

a) $29,37 : 10$

$8,97 : 10$

$0,23 : 10$

b) $265,4 : 100$

$31,5 : 100$

$5,82 : 100$

c) $279,6 : 1\,000$

$38,9 : 1\,000$

$40,5 : 1\,000$

2 Tính nhẩm rồi so sánh kết quả:

a) $12,3 : 10$? $12,3 \times 0,1$

b) $234,5 : 100$? $234,5 \times 0,01$

c) $6,7 : 10$? $6,7 \times 0,1$

d) $97,8 : 100$? $97,8 \times 0,01$

3 a) Thảo luận cách tính sau:

Để tính $56,2 : 100$, ta chỉ cần tính $56,2 \times 0,01 = 0,562$



Mai Anh

Khi nhân $56,2$ với $0,01$, ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số $56,2$ sang bên trái hai chữ số.



Hoàng Đức

b) Thử tìm kết quả các phép tính sau theo cách tính trên:

$897,23 : 100$

$45,89 : 100$



4 a) Một xưởng sản xuất nước ngọt đóng hộp (lon), biết rằng với 33 l nước ngọt người ta đóng được vào 100 lon. Hỏi mỗi lon chứa bao nhiêu mi-li-lít nước ngọt?

b) Cứ 10 l sữa cân nặng 10,8 kg. Hỏi 25 l sữa cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?



33. CHIA MỘT SỐ THẬP PHÂN CHO MỘT SỐ TỰ NHIÊN

Có 3,9 kg long nhãn chia đều vào 3 túi.



Tính $3,9 : 3 = ?$

Đặt tính rồi tính:

$$\begin{array}{r} 3,9 \quad | \quad 3 \\ 3 \downarrow \quad | \quad 1,3 \\ \hline 09 \\ \quad 9 \\ \hline 0 \end{array}$$

Chia theo thứ tự từ trái sang phải:

- 3 chia 3 được 1, viết 1;
1 nhân 3 bằng 3; 3 trừ 3 bằng 0, viết 0.
- Viết dấu phẩy vào bên phải số 1.
- Hạ 9; 9 chia 3 được 3, viết 3;
3 nhân 3 bằng 9; 9 trừ 9 bằng 0, viết 0.

Vậy $3,9 : 3 = 1,3$

Muốn chia một số thập phân cho một số tự nhiên, ta làm như sau:

- Chia phần nguyên của số bị chia cho số chia.
- Viết dấu phẩy vào bên phải thương đã tìm được trước khi lấy chữ số đầu tiên ở phần thập phân của số bị chia để tiếp tục thực hiện phép chia.
- Tiếp tục chia với từng chữ số ở phần thập phân của số bị chia.

1 Đặt tính rồi tính:

$6,8 : 2$

$9,6 : 3$

$20,5 : 5$

$32,8 : 4$

$18,6 : 6$

$35,7 : 7$

2 Tính (theo mẫu):

Mẫu: $46,2 : 6 = ?$

$$\begin{array}{r} 46,2 \quad | \quad 6 \\ 42 \quad \downarrow \quad | \quad 7,7 \\ \hline 42 \\ \hline 42 \\ \hline 0 \end{array}$$

Chia theo thứ tự từ trái sang phải:

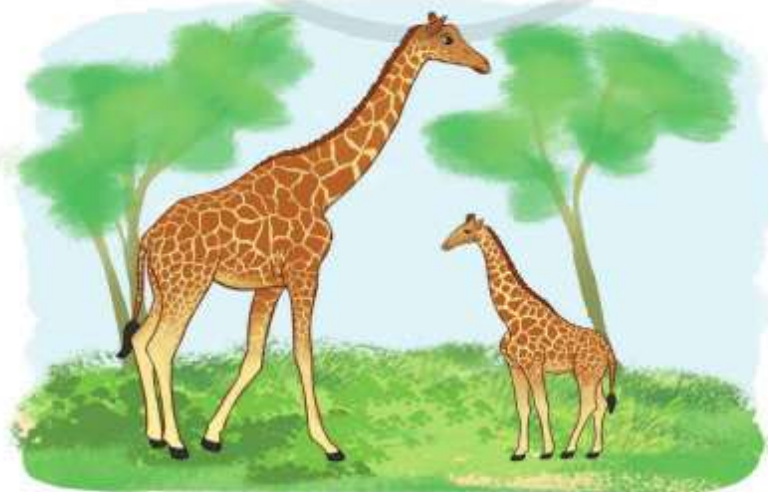
- 46 chia 6 được 7, viết 7;
7 nhân 6 bằng 42; 46 trừ 42 bằng 4, viết 4.
- Viết dấu phẩy vào bên phải số 7.
- Hạ 2; 42 chia 6 được 7, viết 7;
7 nhân 6 bằng 42; 42 trừ 42 bằng 0, viết 0.

Vậy $46,2 : 6 = 7,7$



3 a) Có 43,2 kg gạo, san đều vào 8 túi. Hỏi mỗi túi chứa bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

b) Hươu cao cổ mẹ cao 4,24 m. Hươu cao cổ mẹ cao gấp 2 lần hươu cao cổ con. Hỏi hươu cao cổ con cao bao nhiêu mét?



4 a) Tính (theo mẫu):

Mẫu: $6,3 : 7 = ?$

$$\begin{array}{r|l} 6,3 & 7 \\ 0 \downarrow & 0,9 \\ \hline 63 & \\ \hline 63 & \\ \hline 0 & \end{array}$$

Vậy $6,3 : 7 = 0,9$

Chia theo thứ tự từ trái sang phải:

- 6 chia 7 được 0, viết 0;
0 nhân 7 bằng 0; 6 trừ 0 bằng 6, viết 6.
- Viết dấu phẩy vào bên phải số 0.
- Hạ 3; 63 chia 7 được 9, viết 9;
9 nhân 7 bằng 63; 63 trừ 63 bằng 0, viết 0.



b) Đặt tính rồi tính:

$$\begin{array}{r} 6,4 : 8 \\ 4,41 : 7 \end{array}$$



$$\begin{array}{r} 4,65 : 15 \\ 8,82 : 42 \end{array}$$



$$\begin{array}{r} 11,2 : 28 \\ 13,6 : 34 \end{array}$$

- 5** Dũng tập nhảy trong 5 tuần, mỗi tuần tập 5 ngày, thời gian tập mỗi ngày là như nhau. Tổng thời gian luyện tập là 37,5 giờ. Hỏi Dũng đã luyện tập bao nhiêu giờ mỗi ngày?



34. LUYỆN TẬP

1 Đặt tính rồi tính:

$$\begin{array}{r} 9,6 : 4 \\ 74,5 : 5 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 28,8 : 24 \\ 50,4 : 36 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7,28 : 14 \\ 13,53 : 33 \end{array}$$

2 a) Tính (theo mẫu):

Mẫu: $6 : 4 = ?$

$$\begin{array}{r|l} 6 & 4 \\ 4 & 1,5 \\ \hline 20 & \\ 20 & \\ \hline 0 & \end{array}$$

Vậy $6 : 4 = 1,5$

Chia theo thứ tự từ trái sang phải:

- 6 chia 4 được 1, viết 1;
1 nhân 4 bằng 4; 6 trừ 4 bằng 2, viết 2.
- Viết dấu phẩy vào bên phải số 1.
- Thêm 0 vào bên phải số 2, được 20;
20 chia 4 được 5, viết 5;
5 nhân 4 bằng 20; 20 trừ 20 bằng 0, viết 0.

$$21 : 6$$

$$39 : 5$$

$$60 : 8$$

b) Đặt tính rồi tính:

$$12 : 5$$

$$15 : 75$$

$$7 : 20$$

3 Mẹ chia đều 2 l sữa vào 8 cốc. Hỏi mỗi cốc có bao nhiêu lít sữa?



4 Trong 4 giờ xe máy đi được 121 km, trong 2 giờ ô tô đi được 111 km. Hỏi trung bình mỗi giờ ô tô đi được nhiều hơn xe máy bao nhiêu ki-lô-mét?

35. CHIA MỘT SỐ THẬP PHÂN CHO MỘT SỐ THẬP PHÂN



2,2 cm

Một lô gỗ hình chữ nhật có diện tích là $5,72 \text{ cm}^2$, chiều rộng là $2,2 \text{ cm}$. Tính chiều dài của lô gỗ.



Tính $5,72 : 2,2 = ?$

Chuyển thành phép chia cho số tự nhiên:

- Phần thập phân của số chia $2,2$ có một chữ số.
- Chuyển dấu phẩy của số bị chia và số chia sang bên phải một chữ số, ta được:

$$5,72 : 2,2 = 57,2 : 22.$$

- Thực hiện phép chia $57,2 : 22$.

Đặt tính rồi tính:

$$\begin{array}{r} 5,7,2 \quad | \quad 2,2 \\ 44 \quad | \quad 2,6 \\ \hline 132 \\ 132 \\ \hline 0 \end{array}$$

Vậy $5,72 : 2,2 = 2,6$

Muốn chia một số thập phân cho một số thập phân, ta làm như sau:

- Đếm xem có bao nhiêu chữ số ở phần thập phân của số chia thì chuyển dấu phẩy ở số bị chia sang bên phải bấy nhiêu chữ số.
- Bỏ dấu phẩy ở số chia rồi thực hiện phép chia như chia cho số tự nhiên.

- 1 a) Chuyển các phép chia sau thành phép chia cho số tự nhiên:

$$27,78 : 0,5$$

$$32,4 : 0,6$$

$$8,24 : 0,02$$

$$51,2 : 1,6$$

- b) Đặt tính rồi tính:

$$12,3 : 4,1$$

$$17,4 : 0,6$$



$$4,95 : 1,5$$

$$17,28 : 7,2$$



$$5,1 : 0,6$$

$$19,6 : 5,6$$



- 2 Thực hiện phép chia rồi kiểm tra lại kết quả bằng phép nhân:

$$3,6 : 1,8$$

$$12,5 : 2,5$$

$$16,8 : 5,6$$

$$1,11 : 0,3$$

$$3,25 : 6,5$$

$$8,04 : 6,7$$

- 3 Một căn phòng có dạng hình chữ nhật với diện tích là $17,76 \text{ m}^2$, chiều dài là $4,8 \text{ m}$. Tính chiều rộng căn phòng đó.

- 4 Mỗi bước đi của An dài khoảng $0,3 \text{ m}$. Hỏi để di chuyển được đoạn đường dài $6,6 \text{ m}$ thì An phải bước đi khoảng bao nhiêu bước?



36. LUYỆN TẬP

1 Đặt tính rồi tính:

$49,5 : 1,1$

$5,58 : 3,1$

$3,38 : 0,13$

2 a) Tính rồi nêu nhận xét về kết quả các phép chia một số thập phân cho 0,1; 0,01;...

$5,7 : 0,1$

$18,75 : 0,01$

$3,21 : 0,1$

$15,38 : 0,01$

b) Thảo luận về nhận xét sau và lấy ví dụ:

Nhận xét: Khi chia một số thập phân cho 0,1; 0,01; 0,001;... ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên phải một, hai, ba,... chữ số.

c) Tính nhẩm:

$14,23 : 0,1$

$0,26 : 0,01$

$20,251 : 0,001$

$4,125 : 0,001$

3 a) Tính (theo mẫu):

Mẫu: $2 : 0,5 = ?$

$$\begin{array}{r} 20 \overline{) 0,5} \\ 4 \end{array}$$

Vậy $2 : 0,5 = 4$

- Phần thập phân của số 0,5 (số chia) có một chữ số.
- Viết thêm một số 0 ở bên phải số 2 (số bị chia) được 20; bỏ dấu phẩy ở 0,5 được số 5.
- Thực hiện phép chia $20 : 5$.

$15 : 7,5$

$33 : 0,3$

$8 : 0,02$

b) **Mẫu:** $1,5 : 0,25 = ?$

$$\begin{array}{r} 1,50 \overline{) 0,25} \\ 6 \end{array}$$

Vậy $1,5 : 0,25 = 6$

- Phần thập phân của số 0,25 (số chia) có hai chữ số.
- Chuyển dấu phẩy của số chia và số bị chia sang bên phải hai chữ số. Ta được $1,5 : 0,25 = 150 : 25$
- Thực hiện phép chia $150 : 25$.

$49,5 : 0,45$

$12,6 : 0,28$

$2,6 : 0,13$

4 Tính giá trị của mỗi biểu thức sau:

a) $6,144 : 12 + 1,64$

b) $1,6 \times 1,1 + 1,8 : 4$

c) $9,24 - (2,49 + 4,92)$

d) $4,8 - 0,42 \times 8,5$

5 a) Có hai túi cà phê, túi thứ nhất cân nặng 1,5 kg, túi thứ hai cân nặng 0,9 kg. Hỏi:

- Túi thứ nhất nặng hơn túi thứ hai bao nhiêu ki-lô-gam?
- Phải san từ túi thứ nhất sang túi thứ hai bao nhiêu ki-lô-gam cà phê để hai túi có cân nặng như nhau?

b) Chị Huế muốn đựng 2,6 kg bột đậu xanh vào các lọ thủy tinh. Có hai loại lọ như hình bên. Theo em, nếu chỉ chọn lọ loại 0,65 kg thì cần ít nhất mấy lọ? Nếu chỉ chọn lọ loại 0,4 kg thì cần ít nhất mấy lọ?



6 Quan sát bảng giá cước vận chuyển bưu phẩm từ Hà Nội đến Thành phố Hồ Chí Minh bên:

Khối lượng (gam)	Giá cước (đồng)
Đến 100	6 500
101 – 250	7 500
251 – 500	10 500
501 – 750	15 000
751 – 1 000	16 500

Em hãy giúp cô nhân viên bưu điện tính tiền cho hai khách hàng gửi bưu phẩm từ Hà Nội

đến Thành phố Hồ Chí Minh. Biết rằng người thứ nhất gửi gói bưu phẩm cân nặng 0,6 kg và người thứ hai gửi gói bưu phẩm cân nặng 0,25 kg.



37. LUYỆN TẬP CHUNG

1 a) Tính rồi so sánh giá trị của $a + b$ và $b + a$; $a \times b$ và $b \times a$:

a	b	$a + b$	$b + a$	$a \times b$	$b \times a$
0,36	4,2	?	?	?	?
0,05	2,7	?	?	?	?

b) Đọc các nhận xét sau:

- Phép cộng các số thập phân có tính chất giao hoán:

$$a + b = b + a$$

- Phép nhân các số thập phân có tính chất giao hoán:

$$a \times b = b \times a$$

c) Không cần tính, hãy nêu kết quả ở ô ?:

$$4,15 + 3,23 = 7,38$$

$$3,23 + 4,15 = \text{?}$$

$$0,04 \times 16 = 0,64$$

$$16 \times 0,04 = \text{?}$$

2 a) Tính:

a	b	c	$(a + b) + c$	$a + (b + c)$	$(a \times b) \times c$	$a \times (b \times c)$
1,2	0,6	1,5	?	?	?	?
1,6	4	2,5	?	?	?	?

b) Thực hiện các yêu cầu sau:

- So sánh giá trị của $(a + b) + c$ và $a + (b + c)$ ở câu a rồi nêu nhận xét.
- So sánh giá trị của $(a \times b) \times c$ và $a \times (b \times c)$ ở câu a rồi nêu nhận xét.

c) Đọc các nhận xét sau:

- Phép cộng các số thập phân có tính chất kết hợp:

$$(a + b) + c = a + (b + c)$$

- Phép nhân các số thập phân có tính chất kết hợp:

$$(a \times b) \times c = a \times (b \times c)$$

d) Tính bằng cách thuận tiện:

$$27,4 + 7,38 + 2,6$$



$$2,5 \times 9,6 \times 4$$



$$6,71 + 9,7 + 3,29 + 2,3$$



$$2 \times 3,8 \times 0,5$$



3 Tính nhẩm:

$$9,56 + 0$$

$$0 + 7,03$$



$$0,42 \times 1$$

$$1 \times 6,5$$



$$0,56 \times 0$$

$$0 \times 8,4$$



4 a) Tính rồi so sánh giá trị của $a \times c + b \times c$ và $(a + b) \times c$:

a	b	c	$(a + b) \times c$	$a \times c + b \times c$
1,1	1,2	1,3	?	?
0,5	0,3	0,2	?	?

b) Đọc nhận xét sau:

$$(a + b) \times c = a \times c + b \times c$$

5 a) Đặt tính rồi tính:

$$35 + 25,16$$

$$57,84 - 9,78$$

$$1,6 \times 0,23$$

$$76,5 : 1,8$$

b) Tính giá trị của mỗi biểu thức sau:

$$(138,4 - 83,2) : 24 + 19,22$$

$$6,54 + (75,4 - 29,48) : 4$$

6 Một số nghiên cứu chỉ ra rằng, băng tan chảy làm mực nước biển toàn cầu tăng 0,5 cm mỗi năm.

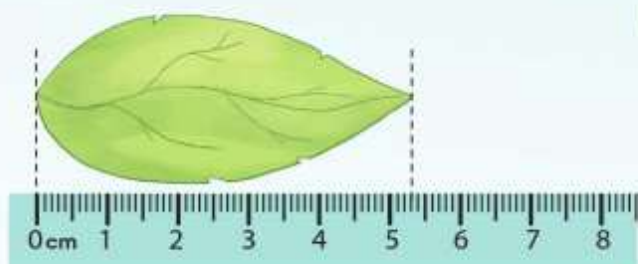
(Nguồn: <https://baotainguyenmoltruong.vn>)

Nếu cứ tăng như vậy, theo em sau bao nhiêu năm thì mực nước biển toàn cầu tăng lên thêm 1 m?



(Ảnh: <https://www.shutterstock.com>)

38. VIẾT CÁC SỐ ĐO ĐẠI LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHẦN



Chiếc lá dài bao nhiêu xăng-ti-mét?



Vì $1 \text{ cm} = 10 \text{ mm}$ nên để chuyển đổi số đo từ xăng-ti-mét sang mi-li-mét ta nhân với 10, tức là chuyển dấu phẩy sang bên phải một chữ số.

$$5,3 \text{ cm} = 53 \text{ mm}$$



Vì $1 \text{ mm} = \frac{1}{10} \text{ cm}$ nên để chuyển đổi số đo từ mi-li-mét sang xăng-ti-mét ta chia cho 10, tức là chuyển dấu phẩy sang bên trái một chữ số.

$$53 \text{ mm} = 5,3 \text{ cm}$$



$$5,3 \text{ cm} = 53 \text{ mm}$$

$$53 \text{ mm} = 5,3 \text{ cm}$$

1 Số ?

a) $6,8 \text{ m} = \boxed{?} \text{ dm}$

b) $5,7 \text{ dm} = \boxed{?} \text{ m}$

$0,5 \text{ m} = \boxed{?} \text{ cm}$

$37,8 \text{ cm} = \boxed{?} \text{ m}$

$0,07 \text{ m} = \boxed{?} \text{ mm}$

$863 \text{ mm} = \boxed{?} \text{ m}$

$0,23 \text{ km} = \boxed{?} \text{ m}$

$45 \text{ m} = \boxed{?} \text{ km}$

2 Số ?

a) $7,5 \text{ tấn} = \boxed{?} \text{ tạ}$

b) $413,6 \text{ g} = \boxed{?} \text{ kg}$

$0,5 \text{ tấn} = \boxed{?} \text{ yến}$

$152,3 \text{ kg} = \boxed{?} \text{ tấn}$

$0,07 \text{ tấn} = \boxed{?} \text{ kg}$

$2\,537,8 \text{ kg} = \boxed{?} \text{ tạ}$

3 Số ?

a) $3,61 \text{ m}^2 = \boxed{?} \text{ dm}^2$

$4,7 \text{ m}^2 = \boxed{?} \text{ cm}^2$

$0,6 \text{ km}^2 = \boxed{?} \text{ ha}$

b) $26 \text{ dm}^2 = \boxed{?} \text{ m}^2$

$45\,000 \text{ m}^2 = \boxed{?} \text{ ha}$

$160 \text{ ha} = \boxed{?} \text{ km}^2$

4 Tìm số thích hợp cho ô ? (theo mẫu):

Mẫu:

• Ví dụ 1: 6 tấn 234 kg = $\boxed{?}$ tấn

Cách làm: 6 tấn 234 kg = 6 tấn + 234 kg = 6 tấn + 0,234 tấn = 6,234 tấn

Vậy 6 tấn 234 kg = 6,234 tấn.

• Ví dụ 2: $3 \text{ m}^2 5 \text{ dm}^2 = \boxed{?} \text{ m}^2$

Cách làm: $3 \text{ m}^2 5 \text{ dm}^2 = 3 \text{ m}^2 + 0,05 \text{ m}^2 = 3,05 \text{ m}^2$

Vậy $3 \text{ m}^2 5 \text{ dm}^2 = 3,05 \text{ m}^2$.

5 tấn 262 kg = $\boxed{?}$ tấn

3 tạ 52 kg = $\boxed{?}$ tạ

6 kg 235 g = $\boxed{?}$ kg

$32 \text{ dm}^2 14 \text{ cm}^2 = \boxed{?} \text{ dm}^2$

$5 \text{ cm}^2 6 \text{ mm}^2 = \boxed{?} \text{ cm}^2$

$54 \text{ m}^2 3 \text{ dm}^2 = \boxed{?} \text{ m}^2$

- 5 Một thanh gỗ dài 3,7 m. Một người thợ mộc cắt đi 4 đoạn, trong đó 1 đoạn dài 70 cm và 3 đoạn còn lại mỗi đoạn dài 40 cm. Hỏi thanh gỗ còn lại dài bao nhiêu mét?



39. LUYỆN TẬP CHUNG

1 Tính (theo mẫu):

Mẫu: $17,2 : 5 = ?$

$$\begin{array}{r} 17,2 \quad | \quad 5 \\ 22 \quad | \quad 3,44 \\ 20 \\ 0 \end{array}$$

Vậy $17,2 : 5 = 3,44$

Chia theo thứ tự từ trái sang phải:

- 17 chia 5 được 3, viết 3;
3 nhân 5 bằng 15; 17 trừ 15 bằng 2, viết 2.
- Viết dấu phẩy vào bên phải số 3.
- Hạ 2; 22 chia 5 được 4, viết 4;
4 nhân 5 bằng 20; 22 trừ 20 bằng 2, viết 2.
- Thêm 0 vào bên phải số 2, được 20;
20 chia 5 được 4, viết 4;
4 nhân 5 bằng 20; 20 trừ 20 bằng 0, viết 0.

a) $5,28 : 12$

b) $0,36 : 9$

c) $8,5 : 2,5$

d) $4,25 : 0,17$

2 Đặt tính rồi tính:

$10,8 : 9$

$5,6 : 0,7$

$8,16 : 2,4$

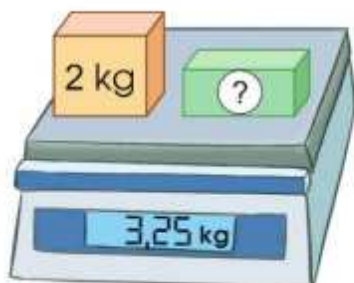
$4,8 : 0,08$

$3,24 : 18$

$31,2 : 13$

3 Số ?

a)



Hộp màu xanh cân nặng kg.

b)



Mỗi hộp vải thiêu cân nặng kg.

- 4 a) Chọn các thẻ ghi phép chia có thương bằng 4:

$2,8 : 0,7$

$0,28 : 7$

$2,8 : 0,07$

$0,28 : 0,07$

- b) Chia nhầm rồi thử lại bằng phép nhân (theo mẫu):

Mẫu: $4,8 : 8 = 0,6$. Thử lại $0,6 \times 8 = 4,8$

$6,3 : 3$

$0,35 : 0,07$

$0,24 : 0,12$

$11 : 2$

$4,8 : 0,8$

$0,33 : 0,3$

- c) Tìm lỗi sai rồi sửa lại cho đúng:

$32,2 : 0,7 = 3,22 : 7$

$1,69 : 0,13 = 16,9 : 13$

- 5 a) Mỗi bước chân của chị Ngọc dài khoảng 0,45 m. Hỏi để đi được 54 m chị Ngọc cần bước khoảng bao nhiêu bước chân?

- b) Một con ốc sên 1 phút bò được 1,6 cm. Hỏi để bò được 10,4 cm con ốc sên đó cần bao nhiêu phút?

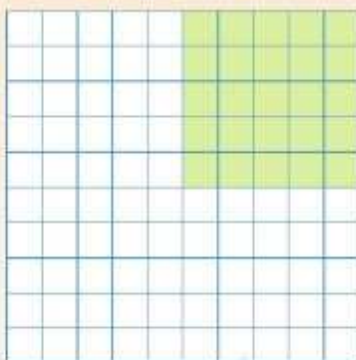


- 6 Nhà bác Vinh thu hoạch được 350 bông hoa hướng dương, mỗi bông có khoảng 0,25 kg hạt. Biết rằng 1 kg hạt hướng dương có thể ép được khoảng 0,25 l dầu hướng dương. Hỏi nhà bác Vinh thu hoạch được khoảng bao nhiêu lít dầu hướng dương?



40. TỈ SỐ PHẦN TRĂM

Tìm tỉ số giữa số ô vuông đã tô màu và tổng số ô vuông.



Tỉ số giữa số ô vuông đã tô màu và tổng số ô vuông là $\frac{25}{100}$.



Hình vuông được chia thành 100 ô vuông bằng nhau. Có 25 ô vuông đã được tô màu.

Tỉ số giữa số ô vuông đã tô màu và tổng số ô vuông là $\frac{25}{100}$.

- Ta nói: Hai mươi lăm phần trăm hình vuông đã được tô màu.
- Viết: $\frac{25}{100}$ hoặc 25%. Vậy $\frac{25}{100} = 25\%$.

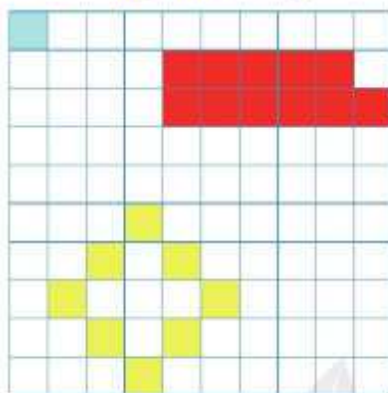
- $\frac{25}{100}$ hoặc 25% còn được gọi là **tỉ số phần trăm** của phần hình vuông đã được tô màu so với toàn thể hình vuông đó.

Ghi chú: Ta còn có thể nói: Tỉ số phần trăm của phần hình vuông đã được tô màu và toàn thể hình vuông đó là 25%.

1 Viết tỉ số phần trăm tương ứng (theo mẫu):

Đọc	Tỉ số phần trăm
Ba mươi lăm phần trăm	35%
Năm mươi phần trăm	?
Hai trăm ba mươi hai phần trăm	?
Ba phần trăm	?
Một trăm phần trăm	?

2 Cho hình gồm 100 ô vuông dưới đây, chỉ ra số thích hợp cho ô :



- Tỷ số phần trăm của số ô vuông màu xanh và tổng số ô vuông là %.
- Số ô vuông màu đỏ chiếm % tổng số ô vuông.
- Tỷ số phần trăm của số ô vuông màu vàng và tổng số ô vuông là %.
- Tỷ số phần trăm của số ô vuông không được tô màu và tổng số ô vuông là %.

3 a) Biểu diễn phân số dưới dạng tỉ số phần trăm (theo mẫu):

Mẫu: $\frac{25}{500} = \frac{5}{100} = 5\%$

$\frac{16}{200}$

$\frac{32}{800}$

$\frac{12}{1\,200}$

b) Biểu diễn tỉ số phần trăm dưới dạng phân số (theo mẫu):

Mẫu: $25\% = \frac{25}{100} = \frac{1}{4}$

5%

30%

64%

90%

c) Biểu diễn số thập phân dưới dạng tỉ số phần trăm (theo mẫu):

Mẫu: $0,68 = \frac{68}{100} = 68\%$

0,17

0,05

1,49

4

Số ?

a) Số học sinh xuất sắc chiếm 15% tổng số học sinh của toàn trường, nghĩa là cứ 100 học sinh của trường thì có học sinh xuất sắc.

b) Câu lạc bộ bóng rổ của một trường tiểu học có 100 học sinh, trong đó có 52 học sinh nữ. Tỉ số phần trăm của số học sinh nữ và số học sinh của cả câu lạc bộ là %.



c) Trong một lò ấp trứng, trung bình cứ 100 quả trứng thì có 5 quả không đạt tiêu chuẩn. Tỉ số phần trăm số trứng đạt tiêu chuẩn là %.

5

Nói cho bạn hiểu biết của em khi đọc các thông tin sau:

- Người ta dành 28% diện tích mảnh vườn để trồng hoa.
- Cửa hàng giảm giá 40% tất cả các sản phẩm.
- Khoảng 71% bề mặt Trái Đất được bao phủ bởi nước.

6

Em tìm trong sách, báo, tài liệu hai thông tin về tỉ số phần trăm và ghi lại vào vở. Em hiểu những thông tin đó như thế nào?

41. TÌM TỈ SỐ PHẦN TRĂM CỦA HAI SỐ



Tiết mục văn nghệ có 3 bạn nam và 5 bạn nữ.

Tìm tỉ số phần trăm giữa số bạn nam và số bạn nữ.



A. TÌM TỈ SỐ PHẦN TRĂM CỦA HAI SỐ

Ví dụ: Tìm tỉ số phần trăm của hai số 3 và 5.

Ta có: Thương của 3 và 5 là $3 : 5$.

Mặt khác ta nhận thấy $3 : 5 = 0,6$

$$= 0,6 \times 100\% = 60\%.$$

Có thể viết gọn là $3 : 5 = 0,6 = 60\%$

Vậy tỉ số phần trăm của hai số 3 và 5 là 60%.

Muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số a và b, ta làm như sau:

- Tìm thương của a và b.
- Nhân thương đó với 100 và viết thêm kí hiệu % vào bên phải tích tìm được.

1 Tìm tỉ số phần trăm của:

a) 3 và 4

b) 5 và 4

c) 16 và 50

d) 3,9 và 13

2 Tính (theo mẫu):

Mẫu: $5\% + 18\% = 23\%$

$$1,2\% \times 3 = 3,6\%$$

$$6,5\% - 4,3\% = 2,2\%$$

$$18,6\% : 6 = 3,1\%$$

a) $34,4\% + 9\%$

b) $10\% - 4,5\%$

c) $7,8\% \times 2$

d) $74,5\% : 5$

B. GIẢI BÀI TOÁN VỀ TÌM TỈ SỐ PHẦN TRĂM CỦA HAI SỐ

Bài toán: Một đoàn khách du lịch đi tham quan khu phố cổ Hà Nội có tất cả 48 người, trong đó có 12 nữ. Tìm tỉ số phần trăm của số nữ so với tổng số người của cả đoàn.

Em hiểu



Có tất cả 48 người, trong đó có 12 nữ.

Tìm tỉ số phần trăm của số nữ so với cả đoàn.



Em nghĩ



Tìm tỉ số phần trăm của hai số 12 và 48.

Tìm thương của 12 và 48. Nhân thương với 100 rồi viết thêm kí hiệu % vào bên phải số vừa tìm được.



Em trả lời

Bài giải

Tỉ số phần trăm của số nữ so với tổng số người của cả đoàn là:

$$12 : 48 = 0,25$$

$$0,25 = 25\%$$

Đáp số: 25%.

3 Một xe buýt theo thiết kế chở được 45 người, nhưng có thể chở thêm 9 người. Tìm tỉ số phần trăm của số người chở thêm so với thiết kế.

4 a) Nhận xét hai cách tính tỉ số phần trăm của hai số 17 và 20 dưới đây:

Cách 1:

$$\begin{aligned} 17 : 20 &= 0,85 \\ &= 0,85 \times 100\% = 85\% \end{aligned}$$

Cách 2:

$$17 : 20 = \frac{17 \times 100}{20}\% = 85\%$$

b) Tìm tỉ số phần trăm của hai số bằng một trong hai cách trên:

13 và 25

36 và 75

5 Theo kế hoạch, năm vừa qua một xưởng phải sản xuất 1 000 chiếc xe đạp. Đến hết năm, xưởng đó đã sản xuất được 1 150 chiếc. Hỏi:

a) Xưởng đó đã thực hiện được bao nhiêu phần trăm kế hoạch cả năm?

b) Xưởng đó đã thực hiện vượt mức kế hoạch bao nhiêu phần trăm?

42. TÌM GIÁ TRỊ PHẦN TRĂM CỦA MỘT SỐ CHO TRƯỚC



A. TÌM GIÁ TRỊ PHẦN TRĂM CỦA MỘT SỐ CHO TRƯỚC

Ví dụ: Tìm 15% của số 120 000.

Có thể làm theo cách **tìm phân số của một số** như sau:

$$\begin{aligned} &15\% \text{ của } 120\,000 \text{ là:} \\ &120\,000 \times 15\% = 120\,000 \times \frac{15}{100} \\ &= 18\,000 \end{aligned}$$

Vậy 15% của 120 000 là 18 000.

Nhận xét: Muốn tìm 15% của 120 000 ta lấy 120 000 nhân với $\frac{15}{100}$.

1 Tìm:

a) 60% của 250 l.

c) 120% của 150 người.

e) 30% của 800 m².

b) 75% của 12 m.

d) 64% của 12,5 g.

g) 17,5% của 30 000 đồng.

B. GIẢI BÀI TOÁN VỀ TÌM GIÁ TRỊ PHẦN TRĂM CỦA MỘT SỐ CHO TRƯỚC

Bài toán: Tại một lễ hội, năm ngoái lượng rác thải trung bình của mỗi khách du lịch là 300 g. Năm nay, do tuyên truyền nâng cao ý thức nên lượng rác thải trung bình của mỗi du khách chỉ còn bằng 80% của năm ngoái. Hỏi năm nay lượng rác thải trung bình của mỗi người là bao nhiêu gam?

Em hiểu



- Năm ngoái, lượng rác thải trung bình của mỗi người là 300 g rác.
- Năm nay chỉ còn bằng 80% của năm ngoái.

Tìm lượng rác thải trung bình của mỗi người tại lễ hội năm nay.



Em nghĩ

Tìm 80% của số 300.



Sử dụng cách tìm phân số của một số.



Em trả lời

Bài giải

Lượng rác thải trung bình của mỗi người tại lễ hội năm nay là:

$$300 \times 80\% = 240 \text{ (g)}$$

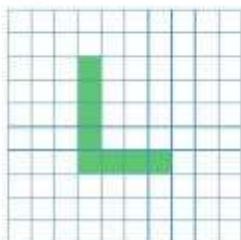
Đáp số: 240 g rác.

- 2** Cô An gửi tiết kiệm 50 000 000 đồng với kì hạn một năm, lãi suất 7% một năm. Hỏi sau một năm cô An nhận được bao nhiêu tiền lãi?

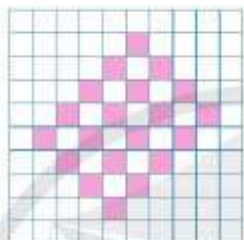


- 3** Sử dụng tỉ số phần trăm để biểu diễn phần đã được tô màu trong mỗi hình sau:

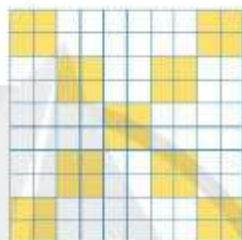
a)



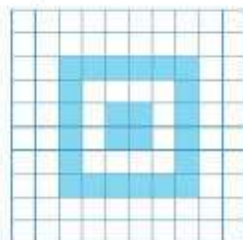
b)



c)



d)



- 4** Hình dưới đây cho biết giá niêm yết của một số mặt hàng:

1



Ô tô đồ chơi

29 000 đồng

2



Vở ô li

8 500 đồng

3



Hộp bút sáp màu

73 500 đồng

4



Bộ thước kẻ

34 000 đồng

5



Hộp bút

39 000 đồng

6



Bình nước

35 000 đồng

Cửa hàng đang có chương trình giảm giá 10% tất cả các mặt hàng. Tính giá bán của mỗi mặt hàng sau khi giảm giá.

43. LUYỆN TẬP CHUNG

- 1 a) Ghép thẻ ghi số thập phân với thẻ ghi tỉ số phần trăm có cùng giá trị:

1,05

2,13

0,09

1,5

0,13

0,009

150%

9%

13%

213%

0,9%

105%

- b) Viết các số thập phân sau dưới dạng tỉ số phần trăm:

0,4

0,752

1,36

0,018

3,9

- c) Viết các tỉ số phần trăm sau dưới dạng số thập phân:

80%

8%

56%

200%

0,7%

- 2 Tìm thương của các phép chia sau và viết lại dưới dạng tỉ số phần trăm:

a) $3 : 8$

b) $3,2 : 8$

c) $20 : 16$

d) $7 : 5$

- 3 Khối Năm của một trường tiểu học có 150 học sinh, trong đó có 30 em là tình nguyện viên đội bảo vệ môi trường. Hỏi khối Năm của trường tiểu học đó có bao nhiêu phần trăm học sinh là tình nguyện viên đội bảo vệ môi trường?



- 4 Theo phân tích của một tổ chức quốc tế về bảo vệ rừng nhiệt đới, 34% diện tích rừng nhiệt đới nguyên sinh trên thế giới đã bị phá hủy chủ yếu do việc khai thác gỗ và chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Tính diện tích rừng bị phá hủy, biết rằng trên thế giới có khoảng 14,5 triệu km^2 rừng nhiệt đới nguyên sinh.

(Nguồn: <https://baochinhphu.vn>)

5 Một người bán hàng chỉ ra số tiền vốn là 2 000 000 đồng để mua hàng. Sau khi bán hết hàng thì người đó thu được số tiền là 2 200 000 đồng. Hỏi:

- Người bán hàng đó đã được lãi bao nhiêu tiền?
- Tiền lãi bằng bao nhiêu phần trăm của tiền vốn?

(Ghi chú: $\text{Tiền lãi} = \text{Tiền thu được} - \text{Tiền vốn}$)

6 Một người bán hàng chỉ ra số tiền vốn là 3 000 000 đồng để mua hàng. Sau khi bán hết hàng thì người đó thu được số tiền là 2 850 000 đồng. Hỏi:

- Người bán hàng đó đã bị lỗ bao nhiêu tiền?
- Tiền lỗ bằng bao nhiêu phần trăm của tiền vốn?

(Ghi chú: $\text{Tiền lỗ} = \text{Tiền vốn} - \text{Tiền thu được}$)

7 Chi tiêu trong tháng 8 của gia đình cô Lan được ghi lại như sau:

Nội dung chi	Số tiền (đồng)
Tiền ăn	4,8 triệu
Điện, nước, Internet	0,9 triệu
Tiền học	3 triệu
Xăng xe, đi lại	600 nghìn
Tiết kiệm	1,2 triệu
Các khoản chi khác	1,5 triệu



- Gia đình cô Lan đã chi tiêu tất cả bao nhiêu tiền vào tháng 8?
- Gia đình cô Lan đã chi bao nhiêu phần trăm cho tiền ăn? Bao nhiêu phần trăm cho tiết kiệm?
- Đặt các câu hỏi liên quan đến thông tin trên.

44. SỬ DỤNG MÁY TÍNH CẦM TAY

HOÀ ĐƠN BÁN HÀNG		
STT	Tên hàng	Tiền
1	Nước cam	25 000 đ
2	Cà phê	37 000 đ
3	Kem dừa	24 000 đ
4	Sinh tố bơ	35 000 đ
	Tổng	



Tổng cộng: 121 000 đồng.

Máy tính cầm tay là một công cụ tính toán được mọi người sử dụng rộng rãi trong cuộc sống.



Hãy nói cho bạn nghe chức năng của những phím mà bạn biết.



1

a) Dùng máy tính cầm tay, tính bằng cách thực hiện ấn các phím theo thứ tự như bảng sau rồi nêu kết quả:

	Nút ấn	Kết quả
$1\,987 + 8\,065$	1 9 8 7 + 8 0 6 5 =	?
$63\,241 - 6\,968$	6 3 2 4 1 - 6 9 6 8 =	?
569×34	5 6 9 $\times$ 3 4 =	?
$49\,503 : 87$	4 9 5 0 3 $\div$ 8 7 =	?

b) Dùng máy tính cầm tay để tìm kết quả của các phép chia sau (nếu phần thập phân của thương có nhiều chữ số thì chỉ lấy đến 4 chữ số):

Mẫu: $19 : 30 = ?$

$19 : 30 = 0,633333... = 0,6333$

$26 : 30$

$538 : 74$

$338 : 60$

2 a) Dùng máy tính cầm tay, tính bằng cách thực hiện ấn các phím theo thứ tự như bảng sau rồi nêu kết quả:

	Nút ấn	Kết quả
Tỉ số phần trăm của 8 và 20	8 ÷ 20 % =	?
Tỉ số phần trăm của 23 và 92	23 ÷ 92 % =	?
34% của 71	71 × 34 % =	?
28% của 42	42 × 28 % =	?

b) Dùng máy tính cầm tay để tìm tỉ số phần trăm của hai số sau (nếu phần thập phân của kết quả có nhiều chữ số thì chỉ lấy đến 2 chữ số):

7 và 9

368 và 12

126 của 314

c) Dùng máy tính cầm tay để tìm giá trị phần trăm của một số:

25% của 165

115% của 80

d) Dùng máy tính cầm tay để tìm giá trị của mỗi biểu thức sau:

$35 - 4 \times 5$

$125 - 25 : 5$

Kiểm tra xem máy tính của bạn có thể tự nhận ra thứ tự thực hiện các phép tính không.



- 3** a) Lãi suất tiết kiệm tại một ngân hàng là 7% với kì hạn một năm. Tính số tiền lãi cô Lan nhận được sau một năm, nếu số tiền cô gửi tiết kiệm vào ngân hàng đó là:



100 000 000 đồng

75 000 000 đồng

b) Một ngân hàng cho vay với lãi suất 9% một năm. Nếu bác Thành vay ngân hàng đó 90 000 000 đồng thì trung bình mỗi tháng bác phải trả bao nhiêu tiền lãi?

- 4** Tính giá bán sau khi giảm giá của một số mặt hàng sau:



Khai trương giảm giá 15% tất cả các mặt hàng



Bàn là
hơi nước
799 000 đồng



Máy sấy tóc
499 000 đồng



Máy xay
sinh tố
1 390 000 đồng



Ấm siêu tốc
540 000 đồng



Nồi chiên
không dầu
1 390 000 đồng

- 5** Sau khi được tư vấn về quản lí tài chính, chị Mai quyết định chia thu nhập của gia đình thành 3 khoản với tỉ lệ như sau:



- 50% chi tiêu cho những việc thiết yếu như tiền nhà, tiền ăn uống, tiền điện nước,...
- 30% cho các chi tiêu mong muốn khác như đi du lịch, mua sắm, giải trí,...
- 20% dành cho tiết kiệm hoặc trả nợ.

Biết rằng tổng thu nhập hàng tháng của gia đình chị Mai khoảng 17 triệu đồng. Em hãy tính giúp chị Mai số tiền dành cho mỗi khoản theo tỉ lệ như trên.

45. TỈ LỆ BẢN ĐỒ



Hình 1. Bản đồ hành chính Việt Nam

(Nguồn: *Lịch sử và Địa lí 4, NXBDHSP, 2023*)

- Ở góc trái phía dưới của bản đồ nước Việt Nam có ghi: "Tỉ lệ 1 : 10 000 000". Tỉ lệ đó là tỉ lệ bản đồ.
- Tỉ lệ bản đồ là tỉ số giữa độ dài đo được trên bản đồ và độ dài thật đo được trên thực tế.

Ví dụ: Với bản đồ có tỉ lệ 1 : 500

– Nếu biết độ dài trên bản đồ là 1 cm thì độ dài thật tương ứng là:

$$1 \text{ cm} \times 500 = 500 \text{ cm} = 5 \text{ m}$$

– Nếu biết độ dài thật trên thực tế là 20 m thì ta có $20 \text{ m} = 2\,000 \text{ cm}$, độ dài tương ứng trên bản đồ là:

$$2\,000 \text{ cm} : 500 = 4 \text{ cm}$$

- Tỉ lệ bản đồ có thể viết dưới dạng một phân số có tử số là 1.

Chẳng hạn: $\frac{1}{1\,000}$; $\frac{1}{50\,000}$; $\frac{1}{1\,000\,000}$; ...

1

Số ?

Tỉ lệ bản đồ	1 : 100	1 : 500	1 : 10 000	1 : 800 000
Độ dài trên bản đồ	1 cm	1 mm	2 cm	5 mm
Độ dài thật	? cm	? mm	? cm	? mm

2

Quan sát hình vẽ sơ đồ sân bóng và cho biết:



a) Sân bóng trên được vẽ với tỉ lệ nào? Tỉ lệ đó cho ta biết điều gì?

b) Đo chiều dài, chiều rộng của sân bóng trên sơ đồ và tính chiều dài thật, chiều rộng thật của sân bóng.

Tỉ lệ 1 : 1 000

3 Quan sát bản đồ sau:



Hình 2. Bản đồ hành chính thành phố Hà Nội (năm 2022)

(Nguồn: *Lịch sử và Địa lí 4, NXBDHSP, 2023*)

- Bản đồ trên có tỉ lệ là bao nhiêu?
- Nếu độ dài trên bản đồ là 1 cm thì độ dài thật là bao nhiêu ki-lô-mét?
- Nếu độ dài thật là 8 km thì độ dài trên bản đồ là bao nhiêu xăng-ti-mét?
- Đo khoảng cách hai vị trí trên bản đồ rồi tính độ dài thật giữa hai vị trí đó.



1 km = 100 000 cm



4

a) Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 2 500 000, quãng đường từ Hà Nội đến Thành phố Hồ Chí Minh đo được 46 cm. Hỏi độ dài thật theo đường chim bay từ Hà Nội đến Thành phố Hồ Chí Minh là bao nhiêu ki-lô-mét?



b) Quãng đường từ nhà Phương đến trường dài 5 km. Hỏi quãng đường đó hiển thị trên bản đồ tỉ lệ 1 : 100 000 có độ dài là bao nhiêu xăng-ti-mét?

5

Căn hộ nhà bạn Khôi có dạng hình chữ nhật với chiều dài là 14 m, chiều rộng là 8 m. Khôi muốn vẽ sơ đồ căn hộ trên một tờ giấy A4 có chiều dài là 29,7 cm và chiều rộng là 21 cm.

Khôi nên chọn tỉ lệ bản đồ nào trong các tỉ lệ sau để có thể vẽ được sơ đồ thích hợp?

$$\frac{1}{200}; \frac{1}{50}; \frac{1}{10}.$$



6

a) Đo độ dài rồi ghi lại kết quả:



	Độ dài thật	Độ dài trên bản đồ tỉ lệ 1 : 50
Chiều dài bảng của lớp học	?	?
Chiều rộng phòng học	?	?
Chiều dài phòng học	?	?

b) Chiều dài bảng của một lớp học là 3 m. Em hãy vẽ đoạn thẳng AB biểu thị chiều dài bảng đó trên bản đồ có tỉ lệ 1 : 100.

46. LUYỆN TẬP CHUNG

- 1 a) Chuyển phân số hoặc hỗn số thành số thập phân và tỉ số phần trăm (theo mẫu):

Phân số/hỗn số	Số thập phân	Tỉ số phần trăm
$\frac{3}{4}$	0,75	75%
$\frac{4}{5}$	?	?
$5\frac{1}{2}$	?	?
$6\frac{8}{25}$	?	?

- b) Viết các tỉ số phần trăm sau dưới dạng số thập phân:

48,7%

364%

2,6%

- 2 a) Tính nhẩm (theo mẫu):

Mẫu: Tìm 4% của 600

Nhẩm: 1% của 600 là $600 : 100 = 6$

Vậy 4% của 600 là $6 \times 4 = 24$

7% của 700

8,5% của 1 000

5% của 1 200

31% của 900

- b) Tính:

15% của 600 ml

25% của 128 m²

21,5% của 500 tấn

0,8% của 60 kg

- 3 Quan sát thông tin sau và cho biết ổ đĩa C của máy tính đã sử dụng bao nhiêu phần trăm dung lượng:

Ổ đĩa	Đã sử dụng	Còn trống
 (C:)	171 GB	114 GB

4 Anh Tuấn định mua một đôi giày thể thao có giá niêm yết 657 000 đồng.

Cửa hàng có hai hình thức khuyến mãi sau:

- Giảm 30% giá bán.
- Giảm 20% giá bán rồi giảm tiếp 10% giá mới.

Theo em, anh Tuấn nên chọn hình thức nào thì mua được đôi giày với giá rẻ hơn? Tại sao?



5 a) Tính:



$$456\,231 + 146\,678$$

$$987\,911 - 86\,909$$

$$67\,808 \times 12$$

$$191\,080 : 34$$

b) **Số ?**

Tỉ số phần trăm của 9 191 và 175 là **?**.

Tỉ số phần trăm của 1 287 và 1 125 là **?**.

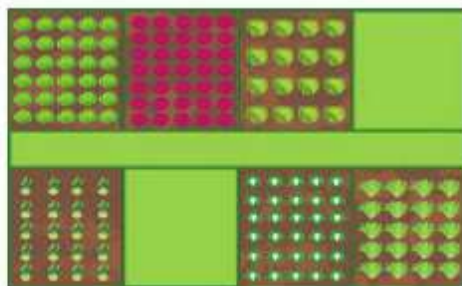
89% của 542 là **?**.

63% của 12 587 là **?**.

6 **Quan sát sơ đồ vườn rau có dạng hình chữ nhật nhà cô Nhung:**

a) Đo chiều dài, chiều rộng của vườn rau trên sơ đồ rồi tính chiều dài, chiều rộng trong thực tế.

b) Cô Nhung muốn rào xung quanh vườn rau, cô cần mua bao nhiêu mét rào?



Tỉ lệ 1 : 100

47. EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

1 Nói cho bạn nghe những điều em học được trong chủ đề:

Tôi biết tính tỉ số phần trăm của hai số.

Tôi đã thực hiện được cộng, trừ nhân, chia các số thập phân.

Tôi biết sử dụng máy tính cầm tay.

Tôi biết vận dụng tính chất các phép tính để tính nhanh.

2 Đặt tính rồi tính:

$$4,78 + 0,695$$

$$0,36 \times 2,8$$

$$28,8 : 0,12$$

$$15,07 - 9,7$$

$$5,76 \times 3,5$$

$$95 : 0,38$$

3 a) Tìm kết quả thích hợp với mỗi phép tính:

$$33 \times 0,67$$

$$0,33 \times 6,7$$

$$0,33 \times 0,67$$

$$330 \times 0,67$$



2,211



22,11



221,1



0,2211



2 211

b) Số ?

	85,46	7,82	15,3	9,61
$\times 10$	?	?	?	?
$\times 100$	?	?	?	?
$: 10$	?	?	?	?
$: 100$	?	?	?	?

4) a) Viết các tỉ số phần trăm sau dưới dạng phân số và số thập phân:

45%

70%

16%

10%

132%

b) Viết các phân số sau dưới dạng tỉ số phần trăm:

$$\frac{23}{100}$$

$$\frac{8}{10}$$

$$\frac{3}{20}$$

$$\frac{2}{5}$$

$$\frac{3}{4}$$

c) Hình tròn bên được chia thành 8 phần bằng nhau. Tính:

– Tỉ số phần trăm của phần đã tô màu đỏ so với cả hình tròn.

– Tỉ số phần trăm của phần đã tô màu vàng so với cả hình tròn.



d) Số ?

160	
10%	16
25%	?

200	
10%	?
25%	?

180	
10%	?
25%	?

5) Người ta vẽ hình một mảnh đất có dạng hình chữ nhật với chiều dài 15 m, chiều rộng 10 m trên bản đồ tỉ lệ 1 : 500. Hỏi trên bản đồ đó, độ dài mỗi cạnh của hình chữ nhật là bao nhiêu mi-li-mét?

6) a) Trong 60 kg nước biển có 2,1 kg muối. Tìm tỉ số phần trăm của lượng muối trong nước biển.

b) Số dân của một xã cuối năm 2022 là 12 500 người, tỉ lệ tăng dân số hàng năm của xã là 0,8%. Hỏi đến cuối năm 2023, số dân của xã đó là khoảng bao nhiêu người?

7) Theo kế hoạch, năm vừa qua một công ty xuất khẩu hoa quả phải xuất khẩu 3 500 tấn vải thiều. Đến hết năm, công ty đó đã xuất khẩu được 4 200 tấn. Hỏi:

a) Công ty đó đã thực hiện được bao nhiêu phần trăm kế hoạch cả năm?

b) Công ty đó đã thực hiện được vượt mức kế hoạch bao nhiêu phần trăm?



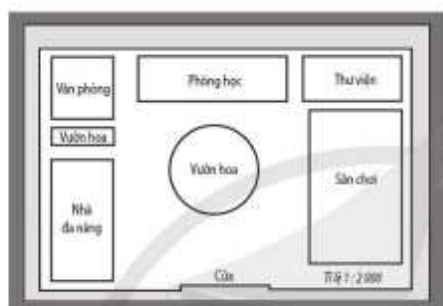
**HỌC VUI
VUI HỌC**



48. EM VUI HỌC TOÁN

1 Dự án nhỏ: Vẽ sơ đồ mặt bằng.

Trong cuộc sống, con người thường có nhu cầu vẽ sơ đồ mặt bằng để hiểu rõ hơn về vị trí, kích thước của mặt bằng đó và các công trình liên quan.



Lập kế hoạch

Nội dung: Lựa chọn một mặt bằng (phòng học, hành lang, vườn hoa, thư viện,...). Tìm hiểu các thông tin liên quan đến hình dạng, kích thước thực tế,...

Cách làm: Ước lượng, đo kích thước thực tế, chọn tỉ lệ bản đồ phù hợp, tính kích thước thu nhỏ và thể hiện trên sơ đồ.

Chuẩn bị: Thước đo phù hợp, máy tính cầm tay,...

Tìm hiểu thực tế



Tìm hiểu kích thước thực tế của mặt bằng cần vẽ.



Lựa chọn tỉ lệ bản đồ thích hợp và tính kích thước thu nhỏ.

Về sơ đồ

Mỗi nhóm vẽ sơ đồ mặt bằng của nhóm mình.

Báo cáo kết quả

Mỗi nhóm thuyết trình về sơ đồ của nhóm mình.

Suy ngẫm, trao đổi

Khi vẽ sơ đồ chúng ta cần lưu ý những vấn đề gì?

2 Em có biết?

Thực hiện các phép tính với số thập phân bằng máy tính cầm tay.

Để tính $25,3 + 7,09$ ta lần lượt ấn các phím sau:



Trên màn hình xuất hiện kết quả 32.39 tức là 32,39.

Để thực hiện các phép tính trừ, nhân, chia ta làm tương tự.

Dùng máy tính cầm tay, thực hiện các phép tính sau:

a) $79,8 + 8,56$

b) $352 + 189,471$

c) $90,3 \times 3,14$

$145,2 - 4,89$

$75,54 \times 39$

$82,861 : 19,27$

3 Đức được thầy giáo dạy bóng rổ nói cho cách tính chiều cao có thể đạt được của một người ở độ tuổi trưởng thành như sau:

Chiều cao của con trai = trung bình cộng chiều cao của bố và mẹ + 6 cm

Chiều cao của con gái = trung bình cộng chiều cao của bố và mẹ - 6 cm

(Nguồn: <https://www.vinmec.com>)

Ví dụ: Bố của Đức cao 1,70 m; mẹ của Đức cao 1,68 m. Dự đoán chiều cao của Đức lúc trưởng thành.

Ta có: $6 \text{ cm} = 0,06 \text{ m}$

$$(1,70 + 1,68) : 2 + 0,06 = 1,75 \text{ (m)}$$

Trao đổi với các bạn cùng bàn rồi sử dụng cách tính trên để tính xem ở độ tuổi trưởng thành mỗi bạn có thể cao bao nhiêu.

49. ÔN TẬP CHUNG

1 Chọn đáp án đúng:

a) Số gồm 8 triệu, 61 nghìn, 4 trăm và 9 đơn vị là:

- A. 861 409. B. 86 149. C. 8 614 009. D. 8 061 409.

b) Số thập phân 0,005 viết dưới dạng phân số thập phân là:

- A. $\frac{5}{100}$. B. $\frac{0,5}{1\,000}$. C. $\frac{5}{1\,000}$. D. $\frac{0,05}{100}$.

c) Phân số $\frac{4}{5}$ viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 4,5. B. 8,0. C. 0,45. D. 0,8.

d) Bảng dưới đây cho biết độ cao của một số đỉnh núi ở Việt Nam.

Tên các đỉnh núi theo thứ tự từ cao nhất đến thấp nhất là:

Tên đỉnh núi	Độ cao (km)
Phan-xi-păng	3,147
Bạch Mã	1,444
Tam Đảo	1,597
Tây Côn Lĩnh	2,431

A. Tam Đảo; Bạch Mã; Tây Côn Lĩnh; Phan-xi-păng.

B. Tam Đảo; Tây Côn Lĩnh; Bạch Mã; Phan-xi-păng.

C. Phan-xi-păng; Bạch Mã; Tây Côn Lĩnh; Tam Đảo.

D. Phan-xi-păng; Tây Côn Lĩnh; Tam Đảo; Bạch Mã.

(Nguồn: <https://vi.wikipedia.org>)

e) Ba quả dưa hấu có cân nặng lần lượt là 1,9 kg; 2,3 kg; 3 kg. Trung bình mỗi quả dưa hấu có cân nặng là:

- A. 2,3 kg. B. 2,4 kg. C. 3,6 kg. D. 7,2 kg.

g) Một tấm gỗ có dạng hình chữ nhật với chiều dài 3,58 m, chiều rộng 3,5 m. Diện tích tấm gỗ đó là:

- A. 12,503 m². B. 12,53 m². C. 1,253 m². D. 125,3 m².

h) Diện tích một khu vườn sinh thái là 24 ha. Trong khu vườn đó có một hồ nước chiếm diện tích bằng $\frac{1}{30}$ diện tích khu vườn sinh thái. Diện tích hồ nước tính theo mét vuông là:

- A. 80 m². B. 800 m². C. 8 000 m². D. 80 000 m².

2 Đặt tính rồi tính:

- a) $3,67 + 34,7$ b) $56,9 - 4,89$ c) $88,7 \times 0,36$ d) $0,144 : 1,2$

3 Mua 8 quyển vở hết 64 000 đồng. Mua 6 cái bút hết 102 000 đồng. Hỏi mua 1 quyển vở và 1 cái bút như thế hết bao nhiêu tiền?

4 Một chiếc máy giặt có giá niêm yết 7 990 000 đồng được bán ở hai cửa hàng khác nhau với hai chương trình khuyến mãi khác nhau:



Nếu là người mua hàng em sẽ chọn mua máy giặt đó ở cửa hàng nào? Vì sao?

5 Bảng sau được dùng để tham khảo cỡ áo sơ mi nam theo số đo vòng ngực.

Vòng ngực của bố bạn Nguyễn là 99,3 cm. Theo em, bố bạn Nguyễn nên chọn cỡ áo sơ mi nào?



Vòng ngực (cm)		Cỡ số áo sơ mi nam
Từ	Đến	
78	81	37
82	85	38
86	89	39
90	93	40
94	97	41
98	101	42
102	105	43
106	109	44

6 Dũng làm một mô hình thu nhỏ cho ngôi nhà của mình. Trên mô hình, ngôi nhà có chiều rộng 0,6 m. Tính chiều rộng ngôi nhà của Dũng trong thực tế, biết rằng ngôi nhà trong thực tế to gấp 17,5 lần ngôi nhà trên mô hình.

BẢNG TRA CỨU TỪ NGỮ

Từ ngữ	Trang	Từ ngữ	Trang
B		nhân một số thập phân với một số tự nhiên	73
bài toán liên quan đến quan hệ phụ thuộc	26	P	
C		phân số thập phân	33
chia một số thập phân cho 10, 100, 1 000,...	78	S	
chia một số thập phân cho một số thập phân	84	so sánh các số thập phân	46
chia một số thập phân cho một số tự nhiên	80	số thập phân	35
cộng các số thập phân	66	số thập phân bằng nhau	44
H		T	
héc-ta (ha)	54	tỉ lệ bản đồ	107
hỗn số	31	tỉ số	17
K		tỉ số phần trăm	94
ki-lô-mét vuông (km ²)	56	tim giá trị phần trăm của một số cho trước	99
L		tim hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó	23
làm tròn số thập phân	49	tim hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó	20
M		tim tỉ số phần trăm của hai số	97
máy tính cầm tay	104	trừ các số thập phân	68
N		V	
nhân một số thập phân với 10, 100, 1 000,...	71	viết các số đo đại lượng dưới dạng số thập phân	90
nhân một số thập phân với một số thập phân	75		

Chịu trách nhiệm tổ chức bản thảo và bản quyền nội dung:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM
Chủ tịch Hội đồng Quản trị: NGUYỄN NGÔ TRẦN ẨM
Tổng Giám đốc: VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập:
LÊ HUY ĐẠM
Thiết kế sách và minh họa:
TRẦN THỊ THU AN – LƯU CHÍ ĐỒNG
Trình bày bìa:
TRẦN TIẾU LÂM
Sửa bản in:
NGUYỄN THỊ THẢO HOA – ĐOÀN THỊ LINH

Trong sách có sử dụng tư liệu, hình ảnh của một số tác giả. Trân trọng cảm ơn.

TOÁN 5 - TẬP MỘT

Mã số:
ISBN:
In cuốn, khổ 19 x 26,5 cm, tại
Địa chỉ:
Cơ sở in:
Số xác nhận đăng ký xuất bản:/CXBIPH/...../ĐHSP
Quyết định xuất bản số:/QĐ-NXBĐHSP ngày/...../.....
In xong và nộp lưu chiểu năm

Mang cuộc sống vào bài học Đưa bài học vào cuộc sống



*T*oán 5 là cuốn sách giáo khoa dành cho học sinh lớp 5 được biên soạn theo *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*.

Sách được biên soạn đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh. Các hoạt động học tập được tổ chức theo tiến trình từ dễ đến khó, hướng đến việc khám phá, phát hiện, thực hành, vận dụng giải quyết vấn đề trong thực tiễn, phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh. Sách được trình bày hấp dẫn, khơi gợi sự tò mò, kích thích hứng thú, tạo dựng niềm tin trong học tập môn Toán ở học sinh.

Sách là sản phẩm tâm huyết của tập thể tác giả – những nhà giáo, nhà khoa học giàu kinh nghiệm trong giáo dục tiểu học.



SỬ DỤNG
TEM CHỐNG GIẢ

1. Quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web để truy cập website bộ sách Cánh Diều: www.hoc10.com
2. Vào mục Hướng dẫn (www.hoc10.com/huong-dan) để kiểm tra sách giả và xem hướng dẫn kích hoạt sử dụng học liệu điện tử.

